

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THUYẾT MINH TÓM TẮT
QUY HOẠCH CHUNG XÃ PHÚ THỊNH,
TỈNH THÁI NGUYÊN ĐẾN NĂM 2045

Phú Thịnh, năm 2026

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
1. Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch chung xã	1
2. Căn cứ chính lập quy hoạch.....	2
3. Mục tiêu lập quy hoạch	7
4. Vị trí, phạm vi quy hoạch, quy mô diện tích lập quy hoạch.....	8
II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG KHU VỰC LẬP QUY HOẠCH CHUNG XÃ	10
1. Đặc điểm tự nhiên.....	10
2. Khái quát hiện trạng kinh tế - xã hội.....	14
III. TÍNH CHẤT, ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN VÀ VAI TRÒ, CHỨC NĂNG	28
1. Tính chất	28
2. Động lực phát triển	28
3. Vai trò, chức năng.....	29
4. Quan điểm và mục tiêu phát triển	29
5. Tác động, yêu cầu của định hướng, phương hướng, quy hoạch phát triển nông nghiệp, hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh đối với việc lập quy hoạch chung xã.....	30
IV. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG, TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN VÀ DỰ BÁO PHÁT TRIỂN	42
1. Đánh giá tổng quát thực trạng và tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội	42
2. Dự báo dân số, lao động, đất đai và hạ tầng kỹ thuật.....	42
3. Chỉ tiêu đất đai, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật.....	45
V. ĐỊNH HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN	48
1. Cấu trúc không gian tổng thể.....	48
2. Định hướng kiến trúc cảnh quan	55
VI. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT XÃ.....	57
1. Quy hoạch hệ thống giao thông:.....	57
2. Chuẩn bị kỹ thuật.....	58
3. Hệ thống cấp nước.....	60
4. Hệ thống cung cấp năng lượng và chiếu sáng	62
5. Hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động.....	63
6. Hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường	65
7. Hệ thống hạ tầng sản xuất.....	66
VII. DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ	68
1. Nhóm chương trình, dự án phát triển hạ tầng kỹ thuật – xã hội.....	68
2. Nhóm chương trình, dự án phát triển kinh tế – sản xuất.....	68
3. Nhóm chương trình, dự án phát triển du lịch – dịch vụ	68
4. Nhóm chương trình chuyển đổi số, tăng trưởng xanh	68
VIII. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	69
1. Giải pháp thực hiện quy hoạch	69
2. Đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường.....	69
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	72
1. Kết luận.....	72
2. Kiến nghị	72

MỞ ĐẦU

1. Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch chung xã

Thực hiện Nghị quyết số 1683/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên năm 2025, xã Phú Thịnh mới được hình thành trên cơ sở hợp nhất toàn bộ diện tích và dân số của ba xã: Bản Ngoại, Phú Cường và Phú Thịnh (huyện Đại Từ). Sau sáp nhập, xã có diện tích tự nhiên 45,25 km², dân số 19.450 người¹, phân bố tại 43 xóm. Quy mô, không gian và cơ cấu kinh tế - xã hội thay đổi đáng kể so với trước đây, đòi hỏi cần có một quy hoạch chung thống nhất để định hướng phát triển, phân bố dân cư, sử dụng đất, định hướng hạ tầng và các khu chức năng một cách hợp lý, khoa học và phù hợp với nhu cầu thực tiễn.

Việc lập quy hoạch chung xây dựng xã Phú Thịnh là yêu cầu cấp thiết, xuất phát từ các lý do chủ yếu sau:

- Phù hợp với chủ trương của Nhà nước về sắp xếp đơn vị hành chính và hoàn thiện hệ thống quy hoạch: Quy hoạch nhằm thực hiện hóa Nghị quyết số 1683/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Văn bản số 2651/UBND-CNN&XD ngày 04/9/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc tổ chức lập quy hoạch chung các xã, phường trên địa bàn tỉnh, đảm bảo tính đồng bộ trong công tác quản lý phát triển không gian, hạ tầng và dân cư sau sáp nhập.

- Đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu và thu hút đầu tư: Sau khi hợp nhất, xã Phú Thịnh có vị trí thuận lợi nằm trên trục Quốc lộ 37 và tuyến kết nối Thái Nguyên – Tuyên Quang (vành đai 2), thuộc khu vực cửa ngõ phía Tây Nam của tỉnh, có tiềm năng lớn để phát triển nông nghiệp công nghệ cao, tiểu thủ công nghiệp, thương mại – dịch vụ và du lịch sinh thái gắn với cây chè. Quy hoạch chung là công cụ quan trọng để định hướng phát triển kinh tế đa dạng, gắn kết các vùng sản xuất nông nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư và dịch vụ, tạo động lực tăng trưởng mới cho địa phương.

- Là cơ sở pháp lý cho quản lý xây dựng và đầu tư hạ tầng: Hiện trạng các đồ án quy hoạch của ba xã trước đây không còn phù hợp sau khi sáp nhập. Việc lập quy hoạch mới giúp xác định rõ trung tâm hành chính mới, các khu chức năng, mạng lưới hạ tầng kỹ thuật – xã hội, hành lang bảo vệ sông suối, khu vực dân cư tập trung và khu vực hạn chế phát triển, đảm bảo quản lý thống nhất và thu hút nguồn lực đầu tư hạ tầng đồng bộ.

- Đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới nâng cao và phát triển bền vững: Quy hoạch chung xã là cơ sở để xã Phú Thịnh đạt xã nông thôn mới nâng cao trước năm 2030 gắn với phát triển không gian sống văn minh, xanh – sạch – đẹp, đồng thời bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai.

¹ Theo Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên

- Phù hợp với quy hoạch cấp trên và định hướng vùng: quy hoạch chung xã nhằm cụ thể hóa các định hướng phát triển trong điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Từ các lý do trên, việc lập Quy hoạch chung xã Phú Thịnh, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045 là hết sức cần thiết.

2. Căn cứ chính lập quy hoạch

2.1. Các văn bản của Trung ương

- Luật Quy hoạch ngày 10/12/2025;
- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 11/12/2025;
- Luật Đô thị ngày 29/11/2006;
- Luật Thể dục thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục thể thao ngày 14/6/2018;
- Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013;
- Luật Trồng trọt ngày 19/11/2018;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật Đô thị ngày 17/6/2020;
- Luật Du lịch ngày 19/6/2017;
- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;
- Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;
- Luật Kiến trúc ngày 13/06/2019;
- Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;
- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;
- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023;
- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;
- Luật Nhà ở ngày 27/11/2023;
- Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;
- Luật Đường bộ ngày 27/6/2024;
- Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10/11/2022;

- Luật Di sản văn hóa ngày 23/11/2024;
- Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ngày 29/11/2024;
- Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29/11/2024;
- Luật Điện lực ngày 30/11/2024;
- Nghị quyết 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;
- Nghị quyết số 1683/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên năm 2025;
- Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quy hoạch đô thị và nông thôn; Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;
- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;
- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/7/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lâm nghiệp;
- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục thể thao;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;
- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư;
- Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đê điều;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;
- Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Nhà ở;
- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa;
- Nghị định 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;
- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;
- Nghị định số 58/2025/NĐ-CP ngày 03/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực về phát triển năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới;
- Nghị định số 56/2025/NĐ-CP ngày 03/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực về quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện, đầu tư xây dựng dự án điện lực và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án kinh doanh điện lực; Nghị định số 100/2025/NĐ-CP ngày 08/5/2025 của Chính phủ sửa đổi Nghị định số 56/2025/NĐ-CP ngày 03/3/2025 của Chính phủ;
- Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng cháy, chữa cháy và cứu nậm, cứu hộ;
- Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;
- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/ 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về

phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất Quốc gia 5 năm 2021- 2025;

- Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 27/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 – 2030;

- Văn bản số 2307/BXD-QHKT ngày 27/6/2022 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021-2025;

- Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 02/2022/TT-BXD ngày 26/9/2022 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 02:2022/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng;

- Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

- Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn.

- Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của luật quy hoạch đô thị và nông thôn.

2.2. Các văn bản của địa phương

2.2.1. Các văn bản của tỉnh, xã liên quan đến công tác lập quy hoạch chung xã

a.1) Văn bản chủ trương, chỉ đạo của UBND tỉnh Thái Nguyên về quy hoạch chung xã

- Văn bản số 2651/UBND-CNN&XD ngày 04/9/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc tổ chức lập quy hoạch chung các xã, phường trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 942/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ủy quyền phê duyệt dự toán chi phí, dự toán chi phí điều chỉnh

cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn;

- Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 09/2/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Văn bản số 2033/UBND-CNN&XD ngày 20/8/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc hướng dẫn các địa phương tổ chức lập quy hoạch chung các xã, phường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

- Thông báo số 55/TB-UBND ngày 27/8/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc kết luận của đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Linh tại cuộc họp về công tác tổ chức lập quy hoạch chung các xã, phường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

- Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 15/05/2026 về việc Phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung xã Phú Thịnh, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045.

a.2) Văn bản hướng dẫn của Sở Xây dựng về quy hoạch chung xã

- Văn bản số 1345/SXD-QHKT ngày 22/8/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên về việc hướng dẫn tổ chức thực hiện quy hoạch chung các xã, phường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

- Văn bản số 1421/SXD-QHKT ngày 25/8/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên về việc triển khai Công văn số 5141/BQP-TCHCKT ngày 19/8/2025 của Bộ Quốc phòng;

- Văn bản số 1560/SXD-QHKT ngày 29/8/2025 của Sở Xây dựng về việc triển khai nhiệm vụ UBND tỉnh giao tại Thông báo số 55/TB-UBND ngày 27/8/2025;

- Văn bản số 1642/SXD-QHKT ngày 05/9/2025 của Sở Xây dựng về việc hướng dẫn về thời hạn lập quy hoạch, thành phần hồ sơ lấy ý kiến, hồ sơ trình thẩm định nhiệm vụ và quy hoạch đô thị và nông thôn.

a.3) Văn bản của xã

- Quyết định số 469/UBND-KT ngày 15/9/2025 của UBND xã Phú Thịnh về việc giao nhiệm vụ lập Quy hoạch chung xã Phú Thịnh, tỉnh Thái Nguyên;

- Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND xã Phú Thịnh về phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán chi phí lập Quy hoạch chung xã Phú Thịnh, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045.

2.2.2. Các văn bản khác liên quan

- Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 03/02/2025 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên về phát triển ngành chè Thái Nguyên giai đoạn 2025-2030;

- Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 20/9/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phân cấp quản lý các công trình thủy lợi và quy mô thủy lợi nội đồng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

- Quyết định số 769/QĐ-UBND ngày 09/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Thái Nguyên về việc phân giao quản lý, khai thác các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định 2042/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của UBND tỉnh ban hành danh mục dòng chảy tối thiểu đối với các sông nội tỉnh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

- Quyết định số 878/QĐ-UBND ngày 28/3/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên các sông thuộc địa bàn quản lý của tỉnh Thái Nguyên;

- Văn bản số 3929/UBND-NC ngày 06/10/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc báo cáo số liệu về diện tích tự nhiên của đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã mới hình thành sau sắp xếp;

- Các văn bản khác liên quan.

2.3. Tài liệu, số liệu, bản đồ

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ xã Phú Thịnh lần thứ nhất.

- Hệ thống bản đồ hành chính, địa chính, địa hình của các xã cũ: Phú Thịnh, Bản Ngoại, Phú Cường.

- Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, bản đồ địa hình quốc gia, Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Nguồn cơ sở dữ liệu bản đồ quy hoạch 3 loại rừng xã Phú Thịnh, xã Phú Cường, xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên kèm theo các Quyết định: số 1563/QĐ-UBND ngày 08/8/2007, số 1518/QĐ-UBND ngày 10/7/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên;

- Các tài liệu khác liên quan.

3. Mục tiêu lập quy hoạch

- Phù hợp Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; cụ thể hóa nhóm nhiệm vụ “Cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư” theo Thông báo số 169/TB-UBND ngày 23/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Kết luận tại cuộc họp đôn đốc tiến độ và chỉ đạo hoàn thiện nội dung điều chỉnh quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; đảm bảo tính linh hoạt, đặc thù sau sáp nhập của chính quyền địa phương 02 cấp.

- Xây dựng xã Phú Thịnh đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030. Tập trung phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; đẩy mạnh phát triển cây chè, sản phẩm trà và văn hóa trà gắn với từng bước hình thành phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng.

- Khai thác hiệu quả lợi thế vị trí và hệ thống giao thông kết nối quan trọng như Quốc lộ 37, đường vành đai 2, liên kết với tỉnh Tuyên Quang và các khu vực trọng điểm phía Nam tỉnh Thái Nguyên, nhằm đẩy mạnh phát triển thương

mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp và du lịch; thu hút đầu tư, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng bền vững, hiện đại.

- Nghiên cứu phát triển định hướng tổ chức không gian gắn dân cư nông thôn; khu vực an ninh quốc phòng; khu vực phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, du lịch dịch vụ, di tích lịch sử - văn hóa, và cơ sở kinh tế - kỹ thuật khác. Phân bổ hợp lý hệ thống trung tâm hành chính, thương mại - dịch vụ, văn hóa, thể dục thể thao, trung tâm xã và hệ thống hạ tầng kỹ thuật xã đảm bảo đồng bộ và hiện đại.

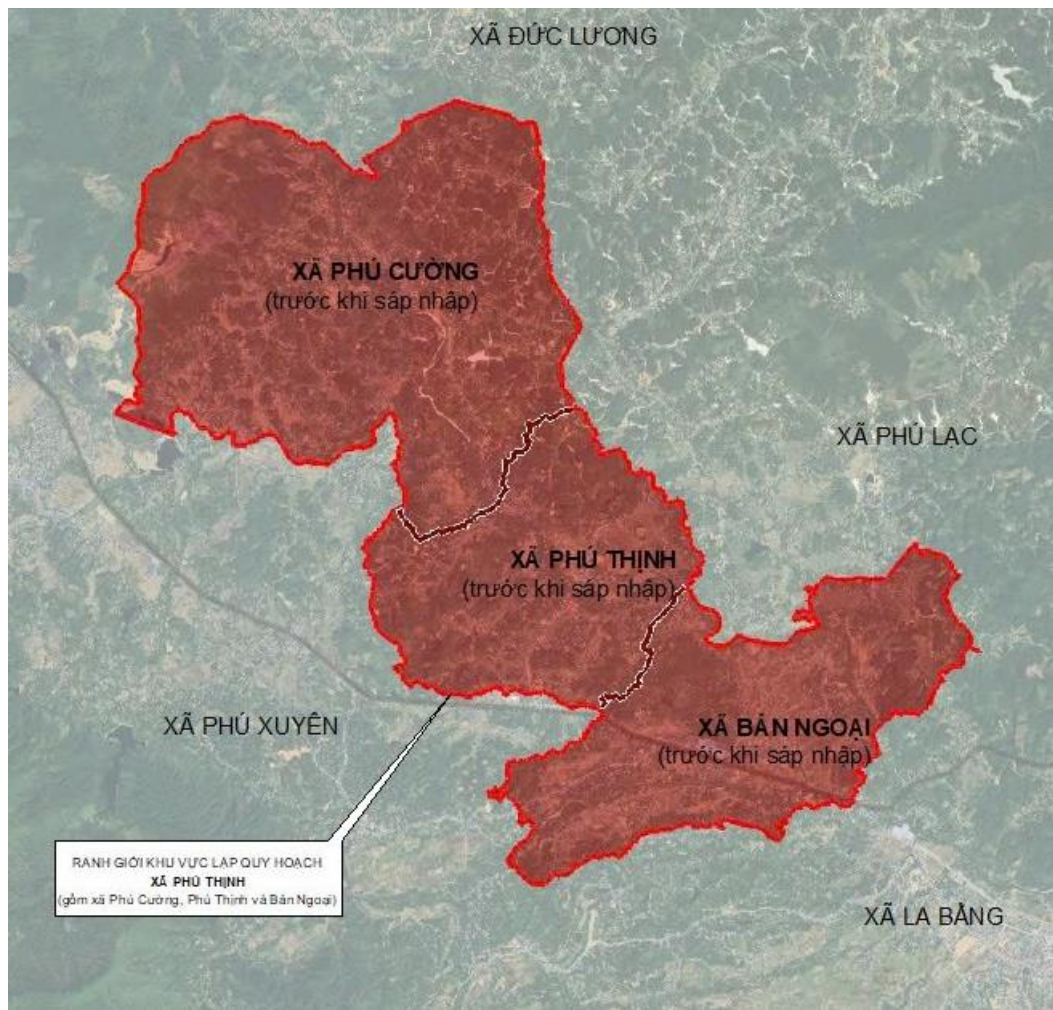
- Là cơ sở để triển khai lập các quy hoạch chi tiết; tạo tiền đề thu hút đầu tư, định hướng khai thác và sử dụng hợp lý các nguồn lực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội của xã Phú Thịnh.

4. Vị trí, phạm vi quy hoạch, quy mô diện tích lập quy hoạch

Phạm vi nghiên cứu quy hoạch là toàn bộ địa giới hành chính xã Phú Thịnh theo Nghị quyết số 1683/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên năm 2025. Ranh giới được xác định:

- Phía Bắc giáp xã Đức Lương.
- Phía Tây giáp xã Phú Xuyên.
- Phía Đông giáp các xã Đức Lương, Phú Lạc và La Bằng.
- Phía Nam giáp xã La Bằng.

Quy mô diện tích 4.525,04 ha.



II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG KHU VỰC LẬP QUY HOẠCH CHUNG XÃ

1. Đặc điểm tự nhiên

1.1. Vị trí và mối liên hệ vùng

Phú Thịnh là xã miền núi, nằm ở phía Tây Nam tỉnh Thái Nguyên, trên tuyến Quốc lộ 37 đi tỉnh Tuyên Quang, cách trung tâm hành chính – chính trị của tỉnh khoảng 31 km. Đây là địa bàn có vị trí trung chuyển giữa khu vực trung tâm đô thị tỉnh Thái Nguyên với vùng sản xuất nông nghiệp, du lịch sinh thái phía Tây Nam, giữ vai trò quan trọng trong phát triển không gian kinh tế - xã hội của khu vực.

Trong Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, xã Phú Thịnh nằm trong không gian phát triển đô thị sinh thái - văn hóa - du lịch, ứng dụng công nghệ cao gắn với phát triển du lịch nông nghiệp sinh thái cảnh quan, du lịch trải nghiệm, với các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu là chè, rau, ...Không gian này chính là một trong những động lực của tỉnh để thu hút đầu tư.

Trong Quy hoạch vùng huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2040, xã Phú Thịnh được xác định nằm trong vùng sản xuất nông nghiệp tập trung theo hướng sạch, công nghệ cao gắn sản xuất hàng hóa quy mô lớn; du lịch lịch sử, cộng đồng, trải nghiệm sinh thái gắn với bảo vệ rừng và thiên nhiên.

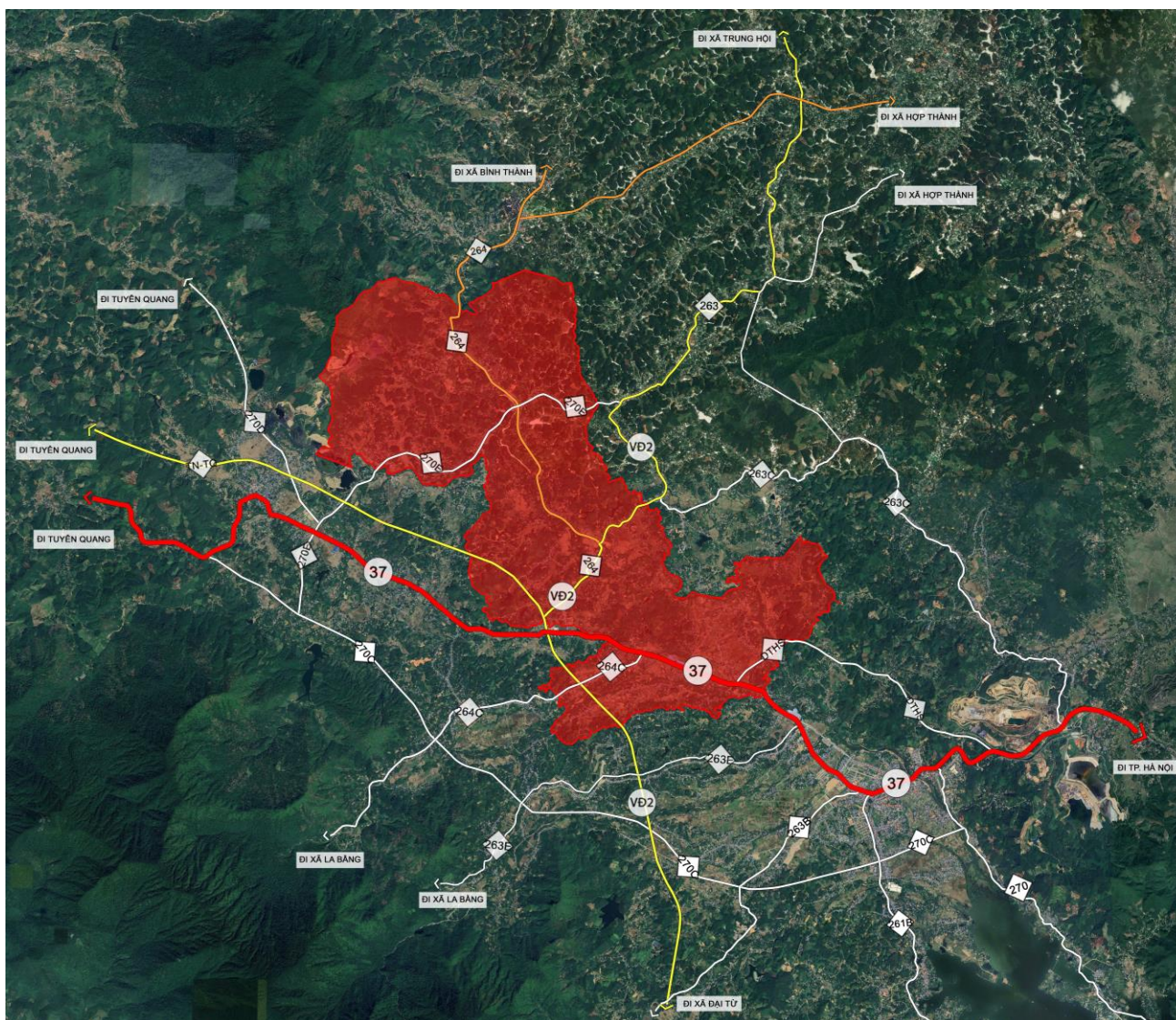
Mối liên hệ vùng của xã Phú Thịnh được thể hiện rõ qua hệ thống giao thông đối ngoại thuận lợi:

- Quốc lộ 37 đi qua địa bàn xã là tuyến giao thông huyết mạch kết nối khu vực trung tâm tỉnh Thái Nguyên với tỉnh Tuyên Quang, đồng thời là trục giao thương quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế vùng phía Tây Nam của tỉnh.

- Đường vành đai 2 tạo liên kết trực tiếp giữa xã Phú Thịnh với các khu vực trọng điểm phía Nam của tỉnh như trung tâm công nghiệp Phở Yên, khu du lịch quốc gia Hồ Núi Cốc, vùng chè đặc sản Phú Thịnh và tỉnh Tuyên Quang góp phần mở rộng giao lưu kinh tế, văn hóa và du lịch.

- Các tuyến đường khác như ĐT.264, ĐT.270E (dự kiến nâng cấp từ DH.74) tăng cường khả năng kết nối liên xã, liên vùng, tạo điều kiện thuận lợi cho giao thương hàng hóa, phát triển sản xuất và thu hút đầu tư.

Bên cạnh lợi thế kết nối, xã Phú Thịnh nằm trong không gian vùng sản xuất và chế biến chè đặc trưng của tỉnh Thái Nguyên (gồm các xã Phú Thịnh, La Bằng, Đức Lương, Đại Phúc...), mang lại nhiều cơ hội phát triển nông nghiệp hàng hóa, du lịch sinh thái và văn hóa trà, đồng thời đặt ra thách thức trong việc nâng cao chất lượng, xây dựng thương hiệu và tạo bản sắc riêng cho sản phẩm chè Phú Thịnh trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng cao.



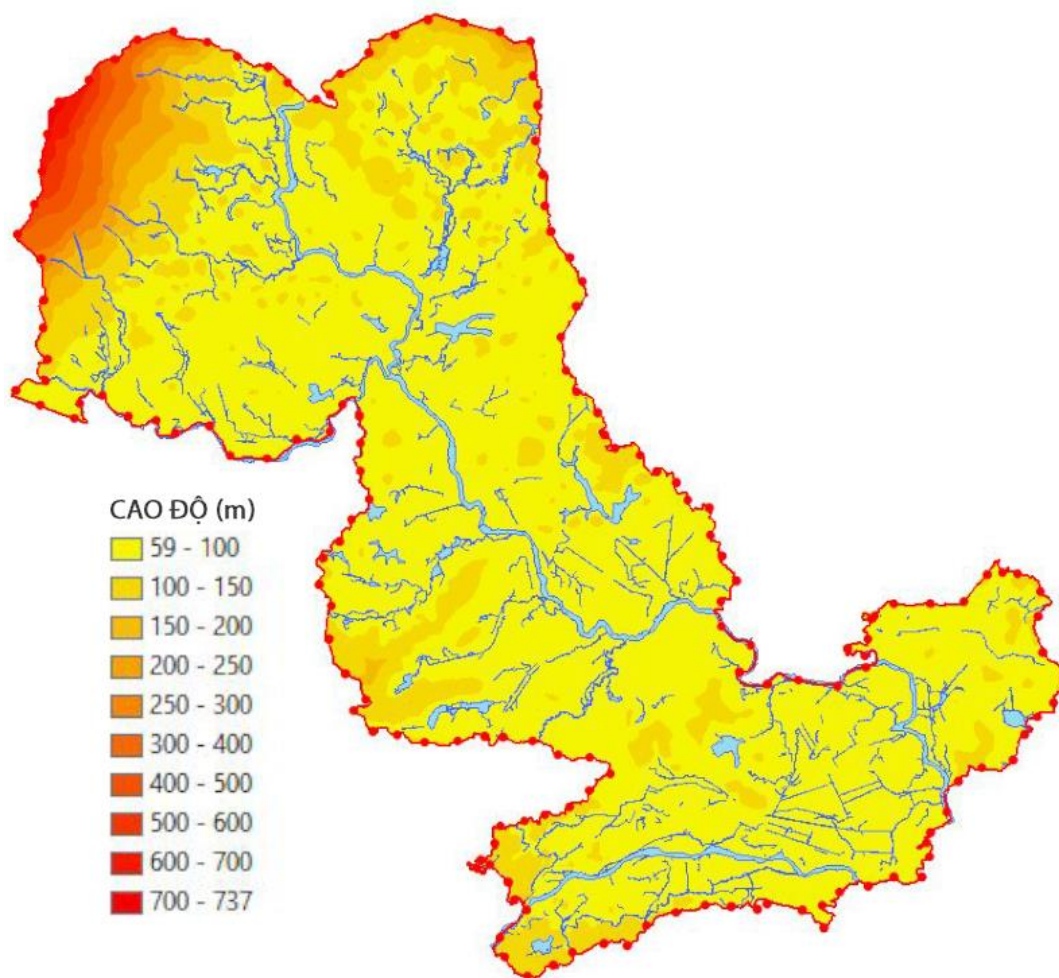
1.2. Điều kiện tự nhiên

a. Địa hình, địa mạo:

Địa hình toàn xã mang đặc trưng vùng Trung du miền núi phía Bắc, chủ yếu là đồi núi thấp xen kẽ đồng bằng và thung lũng hẹp, có xu hướng thấp dần từ Tây sang Đông Nam. Địa hình đồi núi nằm về phía Tây Bắc (thuộc xã Phú Cường cũ), với cao độ phổ biến từ 80m đến 200m, khu vực giáp vùng mỏ than Núi Hồng – Yên Phước – Anh Thắng có cao độ từ 200m đến 750m. Các dải đất thấp và thung lũng phân bố chủ yếu tại khu vực trung tâm và phía Đông Nam xã, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, xây dựng khu dân cư và hạ tầng kỹ thuật.

Trên địa bàn xã có hệ thống sông, suối và hồ phong phú, đặc biệt là suối La Bằng và sông Công chảy qua, tạo cảnh quan sinh thái đặc trưng, cung cấp nguồn nước cho sản xuất và sinh hoạt.

Nhìn chung, địa hình xã Phú Thịnh mới đa dạng, vừa có tiềm năng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, vùng chè đặc sản và du lịch sinh thái, vừa đặt ra yêu cầu quản lý sử dụng đất và bảo vệ môi trường bền vững.



Sơ đồ phân tích cao độ (m)

b. Khí hậu:

Xã Phú Thịnh thuộc vùng khí hậu xây dựng vùng Trung du – miền núi Việt Bắc và Đông Bắc. Theo QCVN 02:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng, nhiệt độ không khí trung bình năm đạt 23,4°C; cao nhất trung bình vào tháng 6, 7 (32,80C); thấp nhất trung bình vào tháng 1 (13,7°C). Vận tốc gió trung bình đạt 1,4 m/s.

c. Thủy văn:

Hệ thống thủy văn của xã Phú Thịnh mới khá phong phú và đa dạng, hình thành bởi mạng lưới sông, suối, hồ, đầm tự nhiên phân bố rộng khắp trên địa bàn, đóng vai trò quan trọng trong sản xuất nông nghiệp, cấp nước sinh hoạt và điều hòa vi khí hậu.

Sông Công: đoạn chảy qua xã có hành lang bảo vệ tối thiểu 20 m mỗi bên tính từ mép bờ, nhằm phòng ngừa các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước (theo Quyết định số 3460/QĐ-UBND ngày 06/11/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên).

Suối Đầm Làng (phụ lưu của sông Công): đoạn qua xã được xác định hành lang bảo vệ 20 m mỗi bên theo quy định trên.

Suối La Bằng: đoạn chảy qua địa bàn xã có hành lang bảo vệ 20 m mỗi bên, bảo đảm chức năng phòng chống ô nhiễm và bảo vệ dòng chảy tự nhiên theo quy định trên

Điều kiện thủy văn của xã Phú Thịnh đảm bảo nguồn nước dồi dào phục vụ phát triển nông – lâm nghiệp và duy trì hệ sinh thái tự nhiên đa dạng. Tuy nhiên, vào mùa mưa, do lượng mưa tập trung lớn kết hợp địa hình đồi núi dốc, một số khu vực sườn đồi có nguy cơ xảy ra sạt lở đất và lũ quét, trong khi vùng thấp dọc lưu vực sông Công thường chịu ảnh hưởng ngập úng cục bộ, cần có giải pháp phòng chống thiên tai và thoát nước tổng thể.

d. Tài nguyên nước

Trên địa bàn xã có sông Công chảy xuyên suốt từ phía Bắc (xã Phú Cường cũ) qua trung tâm (Phú Thịnh cũ) đến phía Nam (Bản Ngoại cũ) với tổng chiều dài khoảng 18 km, là nguồn nước mặt chính của toàn xã. Ngoài ra còn có suối La Bằng và suối Vực Tròn, cùng nhiều khe suối nhỏ bắt nguồn từ sườn đồi phía Tây đổ về sông Công, tạo nên mạng lưới thủy văn tự nhiên dày đặc, có khả năng tiêu thoát nước tốt, hạn chế ngập úng cục bộ.

Hệ thống hồ, ao, đầm phân bố rải rác tại các khu dân cư và vùng sản xuất, tiêu biểu như Đầm Tân Quy, Hồ Đầm Chiều, Hồ Đầm Thần, Hồ Đầm Cây Khế, Hồ Đầm Miếu, Hồ Đầm Kim Tào, Hồ Đầm Cây Sấu cùng khoảng 7 hồ đầm lớn ở khu vực xã Bản Ngoại cũ, với tổng diện tích mặt nước hơn 50 ha. Các hồ, đầm này vừa có chức năng tích trữ nước tưới tiêu, điều hòa dòng chảy, nuôi trồng thủy sản (khoảng 45 ha), vừa góp phần tạo cảnh quan sinh thái và phát triển du lịch nông nghiệp – sinh thái.

Chất lượng nguồn nước nhìn chung tốt, chưa bị ô nhiễm, đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của người dân. Đây là nguồn tài nguyên quan trọng để phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nuôi trồng thủy sản, du lịch sinh thái và bảo vệ môi trường.

e. Tài nguyên rừng

Tổng diện tích đất lâm nghiệp xã Phú Thịnh là 1.287,41 ha, trong đó phần lớn là rừng sản xuất 1.227,47 ha, chiếm 95,3% đất lâm nghiệp; còn lại là rừng phòng hộ 59,94 ha, phân bố về phía Tây Bắc của xã.

- Tài nguyên khoáng sản

Trên địa bàn có mỏ than tại xã Phú Cường cũ, với trữ lượng 9.505 tấn, đã được cấp giấy phép khai thác 1605/GP-UBND ngày 28/6/2011.

- Tài nguyên du lịch

+ Tài nguyên tự nhiên: Cảnh quan nông thôn đặc trưng vùng trung du với địa hình đồi núi thấp xen kẽ thung lũng, tạo nên không gian sinh thái phong phú và hấp dẫn. Các đồi chè xanh, rừng trồng, sông suối và hồ đầm không chỉ đóng vai trò điều hòa môi trường, mà còn là yếu tố cảnh quan quan trọng phục vụ phát triển du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm nông nghiệp. Sự kết hợp giữa cảnh quan tự nhiên, khí hậu mát mẻ, môi trường trong lành và không gian sản xuất

nông nghiệp an toàn, hữu cơ, đặc biệt là vùng chè VietGAP – OCOP, mang lại tiềm năng lớn để hình thành các sản phẩm du lịch nông nghiệp, sinh thái, trải nghiệm.

+ Tài nguyên du lịch văn hóa: Trên địa bàn có 01 di tích lịch sử cấp quốc gia (Di tích nơi ở và làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh và cơ quan Trung ương Đảng tháng 10, năm 1954 tại xóm Đầm Mua, xã Bản Ngoại cũ); 03 di tích lịch sử cấp tỉnh (Nơi thành lập đội vận động công tác văn nghệ 01/10/1954 và Nơi diễn ra hội nghị trừ bị lấy ngày 27/7/1947 là ngày Thương binh liệt sỹ toàn quốc tại xã Phú Thịnh cũ; Xưởng quân giới Hoàng Hữu Nam, nơi sản xuất vũ khí thời kỳ chống Pháp năm 1953, xã Phú Cường cũ); có giá trị lớn trong giáo dục truyền thống yêu nước và tri ân lịch sử.

Ngoài ra, xã còn có các làng nghề chè truyền thống và hợp tác xã sản xuất trà, là những điểm nhấn văn hóa – kinh tế đặc sắc, có thể kết nối hình thành tuyến du lịch trải nghiệm văn hóa “Trà Đại Từ”

Việc khai thác giá trị di tích lịch sử kết hợp không gian sản xuất chè, cảnh quan sinh thái và lễ hội văn hóa địa phương sẽ tạo nên tảng cho phát triển du lịch cộng đồng bền vững, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng xanh và hiệu quả.

f. Thiên tai, ngập lụt

Do ảnh hưởng của hoàn lưu bão số 11 (MATMO), trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên xảy ra mưa lớn từ đêm ngày 06 đến ngày 07/10/2025, lượng mưa phổ biến từ 250 - 400 mm, có nhiều nơi trên 500 mm. Mưa liên tục và đặc biệt lớn trên diện rộng làm cho mực nước các sông dâng lên rất nhanh, nước không tiêu thoát kịp gây ngập lụt sâu nhiều địa bàn trong tỉnh. Lũ đạt đỉnh tại trạm thủy văn Gia Bảy lúc 03h00 ngày 08/10/2025 ở mức 29,90m, trên báo động 3 là 2,9m, vượt mức lũ lịch sử (bão số 3 YAGI năm 2024) 1,09m; lũ đạt đỉnh tại trạm thủy văn Chã lúc 11h00 ngày 09/10/2025 ở mức 12,02m cao hơn báo động 3 là 2,02 m, vượt mức lũ lịch sử (bão số 3 YAGI năm 2024) 1,12m.

2. Khái quát hiện trạng kinh tế - xã hội

2.1. Hiện trạng kinh tế

a. Một số chỉ tiêu phát triển kinh tế của xã giai đoạn 2020-2025

- Giá trị sản phẩm/ha đất trồng trọt đến năm 2025 đạt 117 triệu đồng/ha.
- Sản lượng lương thực bình quân 03 xã đạt 8.350,19 tấn (xã Bản Ngoại: 3.725,8 tấn; xã Phú Cường: 2.449,39 tấn; xã Phú Thịnh: 2.175 tấn).
- Sản lượng chè búp tươi đến năm 2025 ước đạt 8.025,3 tấn (xã Bản Ngoại: 2.865,9 tấn; xã Phú Cường: 3.514 tấn; xã Phú Thịnh: 1.645,4 tấn).
- Diện tích trồng mới, trồng thay thế chè bình quân: 5,63ha/năm
- Diện tích trồng rừng phân tán và trồng lại trong giai đoạn 2020 - 2025 đạt 41,1 ha.
- Thu nhập bình quân đầu người năm 2025: 59 triệu đồng.

b. Nông nghiệp

Nông nghiệp được xác định là trụ cột kinh tế của xã, phát triển theo hướng an toàn, hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao, gắn với chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Trong thời gian qua, xã thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, khai thác hiệu quả tiềm năng đất đai, hình thành vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, trong đó:

Cây chè được xác định là cây trồng mũi nhọn, chủ lực của địa phương, với tổng sản lượng chè búp tươi đạt trên 8.000 tấn/năm.

Đã trồng mới và trồng thay thế hơn 43 ha chè, mở rộng vùng chè VietGAP, hữu cơ, phát triển sản phẩm trà đặc sản và OCOP (03 sản phẩm 3–4 sao).

Hiện có 05 hợp tác xã và 09 làng nghề chè truyền thống đang hoạt động hiệu quả, tham gia các hội chợ, sàn thương mại điện tử, góp phần nâng cao thương hiệu “Trà Đại Từ”.

Ngoài ra, xã còn phát triển cây ăn quả (ở xã Bản Ngoại cũ, xã Phú Cường cũ), kết hợp nuôi trồng thủy sản và trồng rừng sản xuất với diện tích trồng mới bình quân khoảng 41 ha/năm, vừa nâng cao độ che phủ, vừa tạo sinh kế cho người dân.

c. Công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp; thương mại – dịch vụ

Hoạt động công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn phát triển khá đa dạng với hơn 100 cơ sở sản xuất, tập trung ở các ngành: may mặc, chế biến gỗ, vật liệu xây dựng, cơ khí, chế biến chè..., giải quyết việc làm cho hàng nghìn lao động địa phương.

Một số sản phẩm công nghiệp đã được ghi nhận, như Trà xanh Bến Xuân của HTX chè Hải Yến được công nhận là sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện.

Thương mại – dịch vụ có bước phát triển rõ nét; hạ tầng thương mại được đầu tư mở rộng với 02 chợ nông thôn (Phú Thịnh và Phú Cường) đạt tiêu chí nông thôn mới. Các loại hình dịch vụ như vận tải, viễn thông, buôn bán tiện ích tại trung tâm xã phát triển mạnh, cơ bản đáp ứng nhu cầu đời sống dân cư và hỗ trợ lưu thông hàng hóa.

d. Đầu tư xây dựng và quy hoạch

Công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng được chú trọng, tạo nền tảng cho phát triển kinh tế – xã hội. Trước sáp nhập, ba xã đã hoàn thành 06 đồ án quy hoạch xây dựng, bao gồm:

- Xã Bản Ngoại: 03 đồ án (Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã; Quy hoạch chi tiết trung tâm xã; Quy hoạch Trung tâm Văn hóa – Thể thao).

- Xã Phú Thịnh: 02 đồ án (Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã; Quy hoạch chi tiết trung tâm xã).

- Xã Phú Cường: 01 đồ án (Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã).

Các đồ án này là cơ sở quan trọng để định hướng phát triển không gian, đầu tư hạ tầng, dịch vụ và khai thác hiệu quả tiềm năng đất đai sau khi sáp nhập.

e. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

- Dân số:

Tính đến tháng 7 năm 2025, sau khi sáp nhập, xã Phú Thịnh có quy mô dân số 19.450 người với khoảng 5.300 hộ. cơ sở hợp nhất ba đơn vị hành chính cũ gồm Phú Thịnh, Bản Ngoại, Phú Cường.

Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên trung bình hàng năm đạt 1,01%/năm.

Bảng 1: Hiện trạng dân số xã Phú Thịnh 2023-2025

Xã	2023	2024	2025	Ghi chú
Bản Ngoại	7.638	8.173		Công văn số 33/TKT NNXH ngày 31/7/2025 của Thống kê tỉnh Thái Nguyên về ban hành ước tính dân số trung bình năm 2025
Phú Cường	5.015	6.892		
Phú Thịnh	4.186	4.191		
Tổng cộng	16.839	19.256	19.450	

Mật độ dân số trung bình của xã đạt khoảng 429 người/km², ngang bằng với tỉnh Thái Nguyên. Quy mô hộ gia đình trung bình khoảng 3,7 người/hộ.

Dân số xã hiện phân bố trên 43 xóm, tập trung dọc quốc lộ 37, đường ĐT.270E và các tuyến đường liên xã, thuận lợi phát triển đô thị hóa, thương mại – dịch vụ. Khu vực phía Bắc có mật độ dân cư thấp hơn phân bố rải rác theo thung lũng, chân đồi, gần với không gian sản xuất nông nghiệp, rừng sản xuất và vùng chè truyền thống.

- Dân tộc:

Trên địa bàn xã có đa dạng dân tộc sinh sống như Kinh, Tày, Nùng, Sán Chay, Mỗi dân tộc có bản sắc riêng mang lại sự phong phú về văn hóa của xã. Việc bảo tồn, duy trì các loại hình nghệ thuật truyền thống được quan tâm; các làn điệu hát then, tiếng đàn tính, hát sắng cộ và nhảy tấc xình của đồng bào dân tộc Tày, Nùng, Sán Chay... được duy trì, truyền dạy và biểu diễn thường xuyên trong các dịp kỷ niệm, ngày lễ lớn. Nhiều nghệ nhân cao tuổi đã tâm huyết truyền lại vốn quý cho thế hệ trẻ, hình thành các nhóm, câu lạc bộ trong xã, liên xã sinh hoạt định kỳ.

Các trò chơi truyền thống như ném còn, bắn nỏ, đẩy gậy, kéo co ...được tổ chức lồng ghép trong các hoạt động văn hóa, thể thao, tạo sân chơi lành mạnh, thu hút đông đảo nhân dân đặc biệt là thanh thiếu niên tham gia. Các hoạt động vui xuân, đón Tết vẫn đảm bảo giữ được không khí ấm áp, đoàn kết, đậm đà bản sắc. Những kết quả này đã góp phần quan trọng xây dựng đời sống văn hóa phong phú, giữ vững khối đại đoàn kết các dân tộc và tạo nền tảng để phát triển bền vững.

- Lao động:

Hàng năm xã tạo việc làm mới cho 160 lao động. Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn còn gặp khó khăn; định hướng, gắn kết để đào tạo các nghề phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương còn hạn chế.

- Các hoạt động văn hóa – xã hội:

+ Giáo dục – đào tạo: Hệ thống trường lớp được sắp xếp hợp lý, đảm bảo nhu cầu học tập của người dân. 100% trường đạt chuẩn quốc gia; duy trì phổ cập giáo dục các cấp. Cơ sở vật chất trường học thường xuyên được đầu tư nâng cấp. Phong trào khuyến học, chuyển đổi số và xã hội hóa giáo dục đạt kết quả tích cực.

+ Văn hóa – thể thao, thông tin: Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được duy trì sôi nổi; phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” phát triển mạnh. Toàn xã đã xây dựng mới 20 nhà văn hóa, sửa chữa 08 nhà văn hóa xóm với tổng kinh phí hơn 16,7 tỷ đồng. Công tác bảo tồn, tu bổ di tích lịch sử được chú trọng, trong đó có 01 di tích quốc gia và 03 di tích cấp tỉnh. Hệ thống truyền thanh, công thông tin điện tử hoạt động hiệu quả, từng bước ứng dụng công nghệ số, mô hình “chợ 4.0”, dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt.

+ Y tế - dân số: Các trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân. Tỷ lệ người dân có sổ khám sức khỏe điện tử trên 92%, bảo hiểm y tế đạt trên 99%. Công tác phòng chống dịch, vệ sinh an toàn thực phẩm và y tế dự phòng được thực hiện tốt.

+ An sinh xã hội: Chính sách hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở cho các hộ nghèo; hiện không còn nhà dột nát.

+ Các chỉ tiêu văn hóa – xã hội đạt được đến năm 2025:

Giảm tỷ lệ hộ nghèo năm 2025: xã Bản Ngoại cũ là 1,5%; xã Phú Cường cũ 0,86%; xã Phú Thịnh cũ 2%.

Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh: xã Bản Ngoại 100%; xã Phú Cường cũ là 96%; xã Phú Thịnh cũ là 100%

Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2025: xã Phú Cường 85,63%; xã Phú Thịnh cũ 80%.

Xây dựng làng nghề truyền thống: 7 làng nghề (xã Bản Ngoại cũ).

Nhận xét: xã Phú Thịnh đang có bước phát triển ổn định về văn hóa – xã hội; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao. Hệ thống giáo dục, y tế, văn hóa cơ sở được đầu tư đồng bộ, tạo nền tảng vững chắc cho tiến trình xây dựng xã nông thôn mới nâng cao.

- Công tác xây dựng nông thôn mới:

Trước khi sáp nhập, có 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới (xã Phú Thịnh cũ). Xã Phú Thịnh (sau sáp nhập) phấn đấu đạt xã nông thôn mới nâng cao trước năm 2030.

2.2. Hiện trạng hạ tầng xã hội

- Nhà ở: Toàn xã có khoảng 5.000 nhà ở với trên 99% nhà ở đạt chuẩn, không còn nhà tạm, nhà dột nát. Nhà ở chủ yếu là công trình kiên cố hoặc bán kiên cố, gắn với mô hình nhà – vườn – ao – chuồng.

- Trụ sở hành chính: Ba trụ sở (Bản Ngoại cũ, Phú Cường cũ, Phú Thịnh cũ) đều có công trình kiên cố 2–3 tầng, bố trí đầy đủ phòng làm việc, hội trường, sân bãi và cây xanh. Tuy nhiên, cơ sở vật chất tại trụ sở Phú Thịnh cũ còn hạn chế, cần nghiên cứu nâng cấp mở rộng để đáp ứng quy mô quản lý mới sau sáp nhập.

- Trường học: Trên địa bàn có đầy đủ các cấp học từ mầm non đến THCS, 100% trường đạt chuẩn quốc gia (mức độ I–II). Các trường đều có nhà học 1–3 tầng, sân chơi, phòng chức năng, trang thiết bị đảm bảo dạy và học. Công tác phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, tiểu học và THCS được duy trì; phong trào khuyến học và chuyển đổi số trong giáo dục được đẩy mạnh.

+ Mầm non: Tại xã Phú Thịnh cũ có 01 trường với diện tích khoảng 3.800 m²; tại xã Phú Cường cũ có 02 trường (trường mầm non Phú Cường có diện tích 5.020 m², thuộc xóm Na Quýt; trường mầm non Na Mao có diện tích 3.900 m², thuộc xóm Trung Tâm). Tại xã bản Ngoại cũ có 01 trường với diện tích 4.000 m².

+ Tiểu học: Tại xã Phú Thịnh cũ có 01 trường với diện tích khoảng 8.100 m². Tại xã Phú Cường cũ có 01 trường tại xóm Na Quýt với diện tích hơn 8.000 m². Tại xã Bản Ngoại cũ có 01 trường với diện tích 10.787 m².

+ Trung học cơ sở: Tại xã Phú Thịnh có 01 trường với diện tích khoảng 14.600 m²; tại xã Phú Cường cũ có 02 trường (Trường trung học cơ sở Phú Cường có diện tích 6.260 m², thuộc xóm Na Quýt; Trường trung học cơ sở Việt Án có diện tích 6.260 m², thuộc xóm Trung Tâm). Tại xã Bản Ngoại cũ có 01 trường với diện tích 24.175 m².

+ Trung học phổ thông: Tại xã Phú Thịnh có 01 trường THPT Nguyễn Huệ với diện tích 28.684 m² tại xã Phú Thịnh cũ.

- Y tế: Ngoài các cơ sở y tế tư nhân, cơ sở y tế công lập trên địa bàn xã Phú Thịnh gồm có 03 Trạm y tế: Bản Ngoại, Phú Cường, Phú Thịnh; Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật là cấp ban đầu. Ba trạm y tế xã đều đạt chuẩn quốc gia, có đầy đủ phòng chức năng, trang thiết bị, khuôn viên từ 1.400–2.500 m². Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95%; mạng lưới y tế thôn hoạt động tốt; tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng giảm còn dưới 8%.

- Văn hóa, thể thao:

+ Cấp xã: Có nhà văn hóa và sân thể thao xã tại xã Bản Ngoại cũ; các xã còn lại chưa có.

+ Nhà văn hóa – khu thể thao xóm: Hầu hết đều có nhà văn hóa, trong đó phần lớn đạt chuẩn hoặc đang được nâng cấp; nhiều nhà văn hóa kết hợp sân thể thao, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng.

- Di tích lịch sử – văn hóa: Di tích nơi ở và làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh và cơ quan Trung ương Đảng tháng 10, năm 1954 tại xóm Đàm Mua, xã Bản Ngoại); 03 di tích lịch sử cấp tỉnh (Nơi thành lập đội vận động công tác văn nghệ 01/10/1954 và Nơi diễn ra hội nghị trừ bị lấy ngày 27/7/1947 là ngày Thương binh liệt sỹ toàn quốc tại xã Phú Thịnh; Xưởng quân giới Hoàng Hữu Nam, nơi sản xuất vũ khí thời kỳ chống Pháp năm 1953, xã Phú Cường). Công tác bảo tồn, tôn tạo được quan tâm.

- Tôn giáo, tín ngưỡng: trên địa bàn xã có 07 cơ sở tôn giáo, có 15 cơ sở tín ngưỡng. Công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, tín ngưỡng đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân theo quy định của pháp luật. Tăng cường tuyên truyền, vận động đồng bào tôn giáo tham gia có hiệu quả các phong trào ở địa phương, nhất là thi đua xây dựng nông thôn mới nâng cao.

- Bưu điện xã: Các công trình bưu điện cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân trên địa bàn.

- Chợ: Trên địa bàn xã có 02 chợ Phú Minh và Phú Cường, tổng diện tích khoảng 12.000 m². Cơ sở hạ tầng chợ cơ bản đáp ứng nhu cầu trao đổi hàng hóa của dân cư, song còn thiếu khu xử lý rác và hệ thống thoát nước đồng bộ.

2.3. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật

a. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh trên địa bàn xã và phụ cận

- Giao thông: với 03 tuyến đường chính, kết nối xã Phú Thịnh với các xã lân cận, trung tâm tỉnh Thái Nguyên và các khu vực trọng điểm phía Nam của tỉnh, gồm:

+ Quốc lộ 37: là tuyến giao thông huyết mạch quan trọng trong mạng lưới đường bộ của tỉnh Thái Nguyên, đồng thời đóng vai trò là tuyến vành đai 3 quốc gia, chạy qua nhiều tỉnh, thành như Hưng Yên, Hải Phòng, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lào Cai và Sơn La. Tuyến đường được xây dựng theo tiêu chuẩn đường nhựa cấp III–IV miền núi, với nền đường rộng 7,5–13 m, mặt đường 5,5–11 m, đảm bảo lưu thông thuận lợi cho các loại phương tiện.

+ Đường tỉnh 263: đường nhựa cấp V miền núi, nền đường 6,5m và mặt đường 3,5 m.

+ Đường tỉnh 264: đường nhựa cấp V miền núi, nền đường 6 m và mặt đường 3,5 m.

+ Đường sắt Quán Triều- Núi Hồng: đi qua khu vực với khổ đường sắt 1,0 m, hành lang an toàn đường sắt mỗi bên rộng 8,5 m. Tuyến chủ yếu phục vụ vận chuyển khoáng sản, đặc biệt là than, thuộc phạm vi quản lý và khai thác của Công ty Than Núi Hồng.

- Hệ thống cung cấp năng lượng và chiếu sáng: Khu vực quy hoạch có các tuyến đường dây 220kV và 110kV đi nổi và đảm bảo hành lang an toàn lưới điện theo quy định (5m mỗi bên đối với đường dây 220kV và 4m mỗi bên đối với đường dây 110kV), cụ thể:

+ Đường dây 220kV 274 Tuyên Quang (E14.6)- 274 Phú Bình (E6.16): dây dẫn ACSR 2x300 đang vận hành mang tải 63%.

+ Đường dây 110kV 171E14.3-171E6.19 Sơn Dương - Đại Từ: dây dẫn AC 185 và AC 240, đường dây đang vận hành mang tải 23,3%.

b. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật nội khu vực lập quy hoạch

- Hệ thống giao thông:

+ Tuyến đường liên xã, trục xã: đường cấp VI miền núi với tổng chiều dài gần 50 km⁽²⁾, nền đường 4,5-6,0m; mặt đường 3,5m.

+ Tuyến đường trục xóm và liên xóm: là đường cấp VI miền núi và đường cấp A, B với tổng chiều dài khoảng 42,38 km⁽³⁾, nền đường 3,5-8,0m; mặt đường trung bình 3 m.

+ Tuyến ngõ xóm: đường cấp B, C, D và đường đất với tổng chiều dài khoảng 69,5 km⁽⁴⁾ Chiều rộng nền đường khoảng 3,5-7,0m; chiều rộng mặt đường khoảng 3,0m.

+ Đường nội đồng: Các tuyến trục chính với tổng chiều dài 4,2 km, trong đó 0,6km đường bê tông; 3,3 km đường cấp phối và 10,3 km đường đất.

- Chuẩn bị kỹ thuật

+ Cao độ nền: Khu vực quy hoạch có địa hình đồi thấp xen kẽ thung lũng và hệ thống khe suối tự nhiên, cao độ dao động từ khoảng 59 m đến 737 m. Phần lớn diện tích có cao độ từ 100–200 m, địa hình tương đối thoải, xen kẽ các dải đồi cao phân bố cục bộ ở khu vực rìa và các vùng đầu nguồn. Có độ dốc dưới 15°, phân bố dốc dần từ phía Tây xuống phía Đông Nam. Đồi núi chiếm phần lớn diện tích tự nhiên toàn xã, xen kẽ là các dải đồng bằng, thung lũng nhỏ và đất nông nghiệp.

Độ dốc địa hình có sự phân hóa rõ rệt, trong đó các khu vực có độ dốc 0–15% chiếm phần lớn diện tích, tập trung tại các thung lũng, khu vực dân cư hiện hữu và các bề mặt địa hình tương đối bằng phẳng, thuận lợi cho phát triển xây dựng và hạ tầng kỹ thuật. Các khu vực có độ dốc trên 15% phân bố chủ yếu trên các sườn đồi và vùng địa hình bị chia cắt mạnh, gây khó khăn cho công tác xây dựng và san nền.

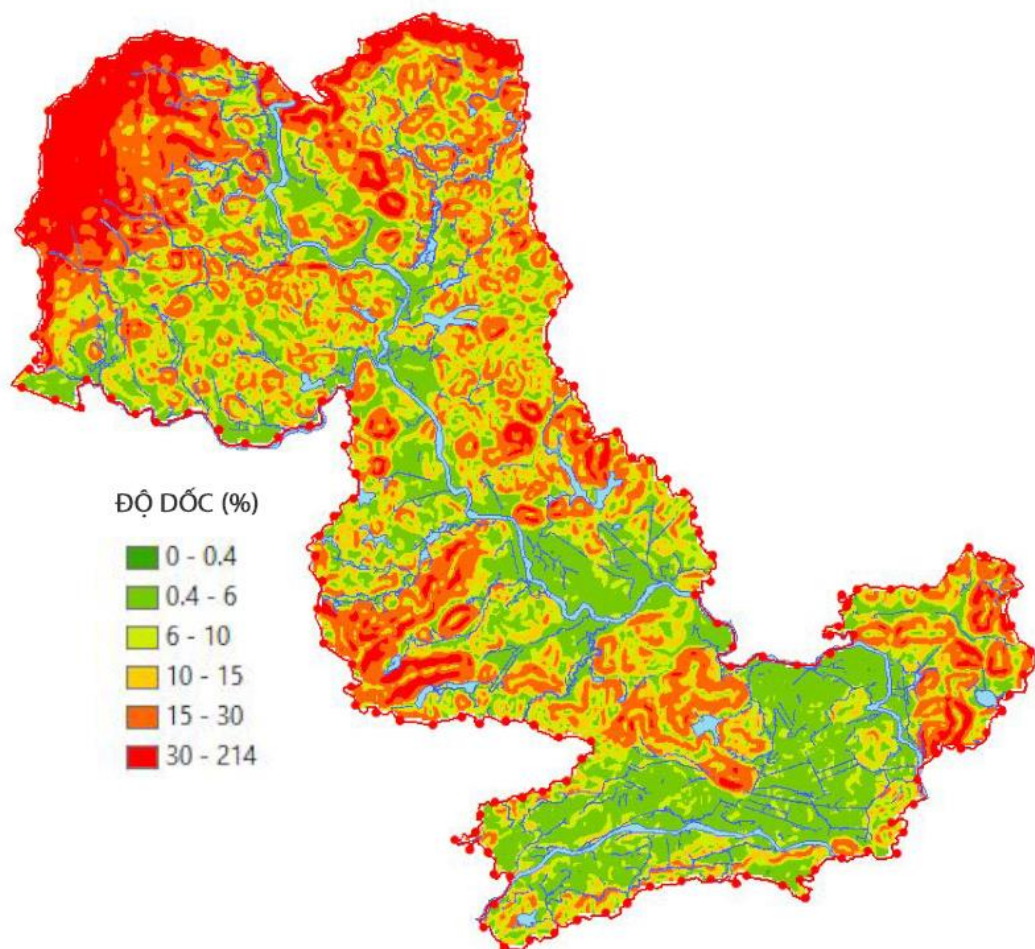
Đánh giá nguy cơ sạt lở cho thấy các khu vực có nguy cơ thấp và trung bình chiếm tỷ lệ lớn, tập trung tại các vùng địa hình thấp, độ dốc nhỏ. Trong khi đó, các khu vực có nguy cơ cao, rất cao và cực kỳ nguy hiểm phân bố cục bộ trên các sườn dốc, đỉnh đồi và khu vực có địa hình phân cắt mạnh, đặc biệt tại các vùng cao phía Tây Bắc và một số khu vực ven ranh giới quy hoạch.

² Trong đó 11,8km đường nhựa; 26 km đường bê tông; 11,2km đường cấp phối; còn lại là đường đất.

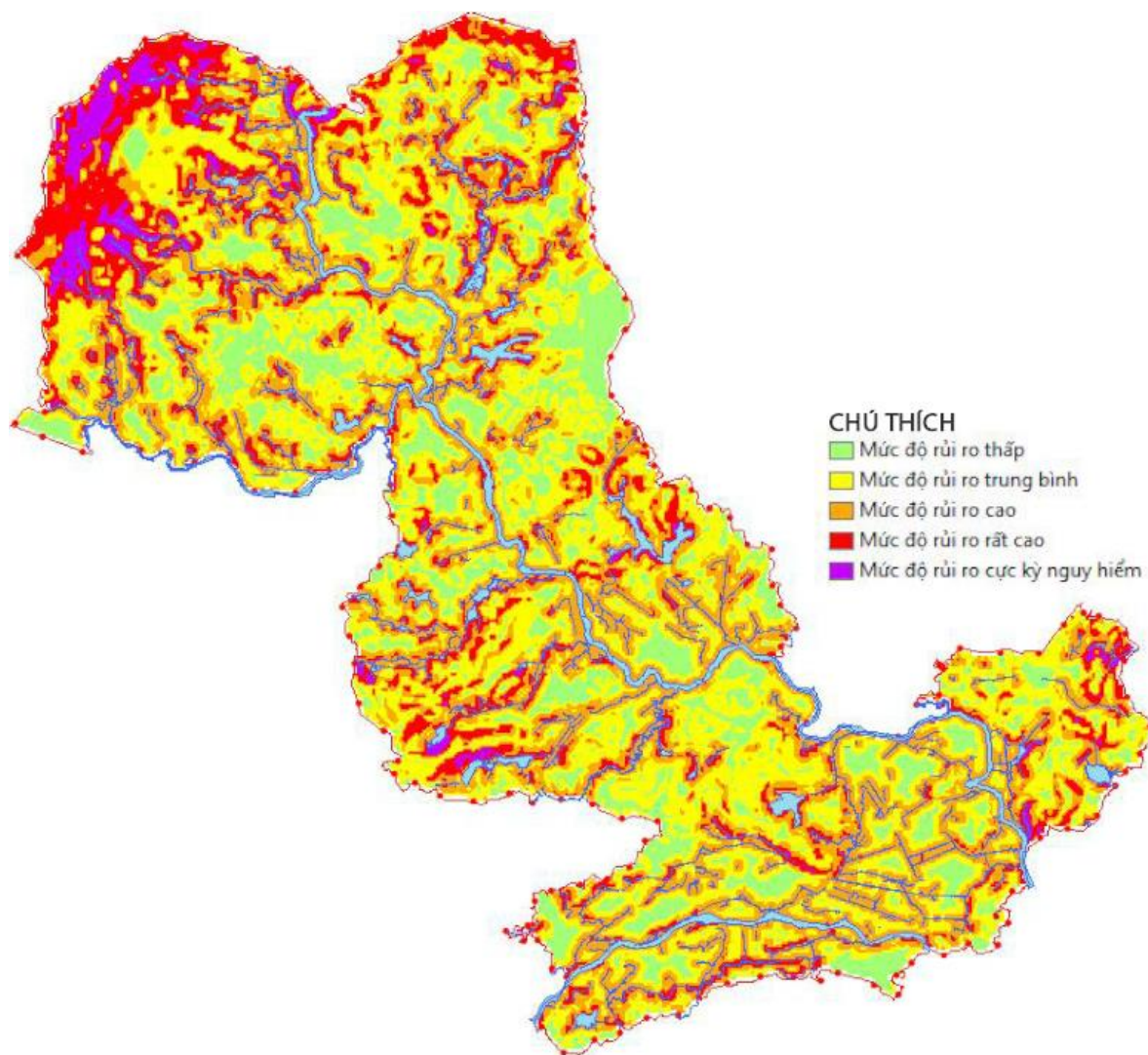
³ Trong đó 37,36km đường bê tông; 3,25 km đường cấp phối và 1,77 km đường đất

⁴ Trong đó 51,9 km đường bê tông và 17,6 km đường đất

Nhìn chung, khu vực có điều kiện địa hình tương đối thuận lợi cho phát triển dân cư, du lịch và các công trình hạ tầng kỹ thuật nhờ diện tích lớn có độ dốc thấp và khả năng thoát nước tự nhiên tốt. Tuy nhiên, cần kiểm soát chặt chẽ hoạt động xây dựng tại các khu vực có độ dốc lớn và nguy cơ sạt lở cao; ưu tiên bảo vệ thảm thực vật, hạn chế san gạt địa hình tự nhiên và áp dụng các giải pháp gia cố mái dốc, thoát nước nhằm đảm bảo an toàn và phát triển bền vững.



Sơ đồ phân tích độ dốc địa hình (%)



Sơ đồ phân tích nguy cơ sạt lở

+ Thoát nước mặt:

Khu vực xã chưa có hệ thống thoát nước mặt, riêng ở các khu vực trung tâm hay dân cư tập trung nước mưa thoát chủ yếu theo các rãnh thoát nước đã xây dựng sau đó ra các nguồn tiếp nhận: sông, suối hay các ao. Ở các khu vực còn lại nước mưa chảy theo địa hình hoặc tự thấm.

Thoát nước mặt: Hiện trên địa bàn xã chưa có hệ thống thoát nước mặt hoàn chỉnh. Việc thoát nước chủ yếu dựa vào các rãnh dọc hai bên tuyến giao thông chính và kênh mương tự nhiên. Tại khu vực trung tâm và các điểm dân cư tập trung, nước mưa được thu gom qua rãnh thoát hiện có rồi xả trực tiếp ra các nguồn tiếp nhận như sông, suối, ao, hồ và đầm tự nhiên. Các khu vực còn lại, nước mưa thoát theo địa hình tự nhiên hoặc thấm trực tiếp xuống đất, chưa có công trình thu gom, xử lý đồng bộ.

- Cấp nước

Hiện nay, xã Phú Thịnh đang sử dụng nhiều nguồn cấp nước khác nhau, bao gồm: giếng đào, giếng khoan do người dân tự khai thác; hệ thống cấp nước

sạch từ trạm Đầm Mua và từ Nhà máy nước Đại Từ (thuộc Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên). Trong đó, nguồn nước thô của Nhà máy nước Đại Từ chủ yếu được khai thác từ sông Công và các phụ lưu lân cận.

Tính đến năm 2025, tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch đạt chuẩn chiếm khoảng 80,18%, tỷ lệ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt khoảng 98,47%, cho thấy mạng lưới cấp nước cơ bản đáp ứng nhu cầu dân sinh, song vẫn cần được mở rộng để bao phủ toàn bộ địa bàn xã.

- Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

+ Thoát nước thải: Trên địa bàn xã chưa có hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải tập trung. Nước thải sinh hoạt chủ yếu được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại của các hộ gia đình, sau đó thấm xuống đất tự nhiên hoặc được tận dụng để tưới cây trong vườn. Tại các khu dân cư tập trung dọc theo các trục đường chính, nước thải sau xử lý bằng bể tự hoại được xả ra hệ thống mương thoát nước chung của xã. Nhìn chung, nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý đồng bộ, tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm môi trường.

+ Chất thải rắn: Phát sinh tại các khu dân cư, cơ sở sản xuất, kinh doanh được thu gom và vận chuyển về bãi rác tập trung để xử lý. Bên cạnh đó, một số hộ dân còn tự thu gom rác thải hữu cơ để ủ làm phân bón cho cây trồng hoặc xử lý bằng hình thức đốt tại chỗ. Tuy nhiên, việc phân loại tại nguồn và xử lý tập trung vẫn còn hạn chế, cần được tăng cường đầu tư và quản lý đồng bộ nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường nông thôn.

+ Nghĩa trang: Hiện nay, xã chưa có nghĩa trang tập trung; việc mai táng chủ yếu được thực hiện tại các nghĩa trang xóm, hình thành từ lâu và có diện tích nhỏ, phân tán. Một số hộ dân vẫn còn chôn cất trong khuôn viên vườn hoặc ngoài đất nông nghiệp của gia đình, tuy nhiên tình trạng này đang dần giảm nhờ nhận thức của người dân được nâng cao về vệ sinh môi trường và mỹ quan nông thôn.

Hiện xã đã xây dựng và ban hành quy chế quản lý nghĩa trang, đảm bảo hoạt động mai táng được thực hiện đúng quy định.

Bảng 2: Hiện trạng nghĩa trang trên địa bàn xã Phú Thịnh

TT	Tên nghĩa trang	Diện tích (ha)
1	Nghĩa trang xóm Phố	0,35
2	Nghĩa trang xóm Cao Khản	0,08
3	Nghĩa trang xóm Đầm Bàng	0,05
4	Nghĩa trang xóm La Mận	0,14
5	Nghĩa trang xóm Rừng Vần	0,1
6	Nghĩa trang xóm La Dạ	0,26
7	Nghĩa trang xóm Rừng Lâm	0,09
8	Nghĩa trang xóm Phú Hạ	0,21
9	Nghĩa trang xóm Vai Cày	0,38

TT	Tên nghĩa trang	Diện tích (ha)
10	Nghĩa trang xóm Đồng Ngõ	0,04
11	Nghĩa trang xóm Đàm Mua	0,18
12	Nghĩa trang xóm Khâu Giáo	0,29
13	Nghĩa trang xóm Khâu Giang + Quang Trung	0,29
14	Nghĩa trang xóm Đồng Ninh	0,2
15	Nghĩa trang xóm Lê Lợi	0,2
16	Nghĩa trang tập trung, xóm Phú Hạ	0,4
17	Nghĩa trang liệt sỹ, xóm Khâu Giang	0,3
18	Nghĩa trang Đầu Cầu	0,49
19	Nghĩa trang Tân Quy	0,9
20	Nghĩa trang Tân Quy (sau UBND xã Phú Thịnh)	0,27
21	Nghĩa trang Cường Thịnh (bao gồm: nghĩa trang Kho Trạng và nghĩa trang Gò Miếu cũ)	1,0
22	Nghĩa trang xóm Văn Cường 1	2,0

- Cấp điện

+ Nguồn điện: Xã Phú Thịnh được cấp điện từ lưới điện trung và hạ thế do Điện lực Đại Từ quản lý, vận hành và kinh doanh. Hệ thống điện thường xuyên được kiểm tra, bảo dưỡng, nâng cấp và phát quang hành lang an toàn, đảm bảo cung cấp điện ổn định, an toàn cho sinh hoạt và sản xuất.

+ Lưới điện trung (35kV, 22kV) và hạ thế trên địa bàn chủ yếu đi nổi trên trụ điện; do khoảng cách truyền tải xa nên còn xảy ra tổn thất điện năng, đồng thời chưa đảm bảo an toàn và mỹ quan.

+ Trạm biến áp: Hiện trên địa bàn xã có 32 trạm biến áp với công suất từ 100–400 kVA, tổng công suất khoảng 5.880 kVA. Năng lực cấp điện hiện nay cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh dịch vụ trên địa bàn, tuy nhiên cần tiếp tục nâng cấp và mở rộng lưới điện tại các khu vực sản xuất tập trung và khu dân cư mới để đáp ứng nhu cầu phát triển trong giai đoạn tới.

Bảng 3: Hiện trạng trạm biến áp trên địa bàn xã

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (kVA)
1	TBA Tân Quy	180
2	TBA Làng Thượng	180
3	TBA Cường Thịnh	180
4	TBA Phú Thịnh 1- Phú Thịnh 2	180
5	TBA Đồng Kim	180
6	TBA Gò Vũ	180
7	TBA Xóm Đèo	160
8	TBA Bán Luông	400
9	TBA Văn Cường 2	160
10	TBA Na Quýt	180
11	TBA Khuôn Thông	160

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (kVA)
12	TBA Khuôn Thông 2	160
13	TBA Na Mẩn	180
14	TBA Thanh Mỹ	160
15	TBA Na Mẩn 2	180
16	TBA Chính Tắc	180
17	TBA Cây Lai	100
18	TBA Chính Tắc 2	160
19	TBA Cầu Hoàn	100
20	TBA Ao Soi	180
21	TBA Bản Ngoại	180
22	TBA La Dạ	180
23	TBA Khâu Giáo 1	250
24	TBA Đại Hưng	250
25	TBA Chè Bản Ngoại	180
26	TBA Rừng Vần	100
27	TBA Đàm Bằng	180
28	TBA Phú Hạ	180
29	TBA Đồng Ninh	160
30	TBA Quang Trung	180
31	TBA Ba Giăng	250
32	TBA Vai Cày	250
	Tổng cộng	5.880

+ **Chiếu sáng và sinh hoạt:** Các khu dân cư tập trung cơ bản đã được lắp đặt hệ thống chiếu sáng, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của người dân. 100% hộ dân trong xã được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn cung cấp.

- Hạ tầng viễn thông thụ động

+ Xã Phú Thịnh được cung cấp dịch vụ từ hệ thống cáp quang quốc gia và các bưu điện hiện hữu. Đường dây thông tin chủ yếu đi nổi trên trụ điện trung thế và hạ thế, gây ảnh hưởng nhất định đến mỹ quan.

+ Mạng internet cáp quang đã phủ đến hầu hết các xóm; trên địa bàn có 04 nhà mạng di động (Vinaphone, Mobifone, Viettel, Vietnamobile). Các trạm thu phát sóng sử dụng cột anten loại A2a chiếm diện tích lớn, cần được sắp xếp, chỉnh trang hợp lý.

+ Hiện 100% hộ dân sử dụng ít nhất một hình thức truyền hình vệ tinh, cáp hoặc internet, đảm bảo khả năng tiếp cận thông tin và phục vụ nhu cầu sinh hoạt, học tập của người dân.

- Thủy lợi:

+ Trên địa bàn xã Phú Thịnh hiện có 03 công trình thủy lợi do Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Thái Nguyên quản lý (trong đó: 01 hồ chứa, 02

đập dâng); 31 công trình thủy lợi do địa phương quản lý (trong đó: 16 hồ chứa, 04 đập dâng, 11 trạm bơm).

+ Các công trình thủy lợi được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên, đảm bảo vận hành hiệu quả; hàng năm xã đều xây dựng phương án phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai, phục vụ ổn định sản xuất và đời sống dân sinh.

- Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất đối với hạ tầng cung cấp năng lượng:

+ Xăng dầu: Trên địa bàn xã Phú Thịnh hiện có một số cửa hàng xăng dầu quy mô nhỏ và vừa, chủ yếu phục vụ nhu cầu đi lại, sinh hoạt, phân bố dọc các tuyến giao thông chính. Tuy nhiên, một số cửa hàng còn hạn chế về quy mô và hạ tầng kỹ thuật, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn. Định hướng quy hoạch sẽ giữ ổn định và cải tạo các cửa hàng hiện hữu để đảm bảo tuân thủ yêu cầu về phòng cháy chữa cháy, an toàn giao thông và môi trường theo QCVN 01:2020/BCT; bố trí bổ sung quỹ đất cho các cửa hàng xăng dầu xây dựng cố định ở vị trí thuận lợi, tiếp cận dễ dàng từ hệ thống giao thông, đảm bảo khoảng cách tối thiểu 300 m giữa các cửa hàng, tối thiểu 50 m đến khu vực tập trung đông người, có khu vực dừng đỗ an toàn khi tiếp nhiên liệu. Đồng thời, khuyến khích chuyển đổi theo hướng trạm xăng dầu đa năng, kết hợp cung cấp năng lượng sạch, phù hợp xu hướng phát triển giao thông xanh.

+ Khí đốt: Hiện nay việc cung ứng khí đốt (LPG) trên địa bàn chủ yếu thông qua đại lý và cửa hàng phân phối bình gas, chưa có tuyến ống phân phối tập trung.

c. Đánh giá chung

Cơ sở hạ tầng kỹ thuật của xã Phú Thịnh đã hình thành tương đối hoàn chỉnh nhưng chưa đồng bộ, thiếu quy hoạch dài hạn, đặc biệt ở các lĩnh vực: thoát nước – vệ sinh môi trường, giao thông nội bộ, hạ tầng xã hội trung tâm và chỉnh trang không gian công cộng. Đây là những nội dung cần ưu tiên đầu tư và nâng cấp hướng tới đạt xã nông thôn mới hiện đại.

2.4. Hiện trạng sử dụng đất

Diện tích đất tự nhiên xã Phú Thịnh năm 2025 sau sắp xếp đơn vị hành chính là 4.525,04 ha, trong đó:

- Đất nông nghiệp: 3.678,92 ha, chiếm 81,30% tổng diện tích tự nhiên.
- Đất xây dựng: 715,69 ha, chiếm 15,82% tổng diện tích tự nhiên.
- Đất khác: 130,42 ha, chiếm 2,88% tổng diện tích tự nhiên.

Bảng 4: Hiện trạng sử dụng đất xã Phú Thịnh năm 2025

STT	Mục đích sử dụng đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích	4.525,04	100,00
I	Đất nông nghiệp	3.678,92	81,30

STT	Mục đích sử dụng đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất sản xuất nông nghiệp	2.270,80	50,18
2	Đất lâm nghiệp	1.287,41	28,45
3	Đất làm muối	0,00	0,00
4	Đất nông nghiệp khác	120,72	2,67
II	Đất xây dựng	715,69	15,82
1	Đất ở	317,55	7,02
2	Đất công cộng	16,73	0,37
3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	9,83	0,22
4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	3,19	0,07
5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	0,00	0,00
6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	99,73	2,20
7	Đất xây dựng các chức năng khác	8,83	0,20
8	Đất hạ tầng kỹ thuật	198,25	4,38
	<i>Đất giao thông</i>	<i>181,25</i>	
	<i>Đất xử lý chất thải rắn</i>	<i>0,05</i>	
	<i>Đất nghĩa trang, nghĩa địa</i>	<i>16,86</i>	
	<i>Đất hạ tầng kỹ thuật khác</i>	<i>0,08</i>	
9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	61,37	1,36
10	Đất quốc phòng, an ninh	0,20	0,00
III	Đất khác	130,42	2,88
1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng	123,90	2,74
2	Đất chưa sử dụng	6,52	0,14

Nguồn: Tổng hợp theo Báo cáo kiểm kê đất đai xã Phú Thịnh năm 2025

III. TÍNH CHẤT, ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN VÀ VAI TRÒ, CHỨC NĂNG

1. Tính chất

- Là xã nông thôn phát triển theo hướng hiện đại, tập trung phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gắn với vùng sản xuất chè tập trung và các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng.

- Là vùng nông thôn sinh thái, văn hóa và du lịch, phát triển hài hòa giữa bảo tồn cảnh quan đặc trưng vùng chè với phát huy giá trị văn hóa và du lịch trải nghiệm nông nghiệp.

2. Động lực phát triển

Các trụ cột động lực phát triển chính của xã Phú Thịnh:

- *Nông nghiệp công nghệ cao và nông nghiệp sinh thái*: xác định cây chè là sản phẩm nông nghiệp chủ lực, tập trung phát triển vùng sản xuất chè VietGAP, hữu cơ, OCOP gắn với chế biến sâu và xây dựng thương hiệu đặc trưng. Đồng thời, ứng dụng khoa học – công nghệ, chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp, hướng tới mô hình kinh tế tuần hoàn, nông nghiệp thông minh. Khuyến khích hình thành các hợp tác xã kiểu mới, phát triển làng nghề chế biến và kết hợp sản xuất nông nghiệp với du lịch trải nghiệm, tạo sinh kế và nâng cao giá trị kinh tế nông thôn.

- *Làng nghề, du lịch sinh thái và du lịch nông thôn*: Khai thác cảnh quan đồi chè, sông Công, suối La Bằng, hồ, đầm và hệ thống di tích lịch sử, cách mạng để hình thành các điểm du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm sản xuất chè, du lịch sinh thái cảnh quan gắn với tuyến du lịch Đại Từ – Hồ Núi Cốc – ATK Định Hóa. Phát triển mô hình du lịch nông thôn gắn các làng nghề truyền thống sản xuất và chế biến chè, kết hợp với dịch vụ thương mại, homestay, ẩm thực đặc sản địa phương.

- Các trục hành lang phát triển:

+ Hành lang liên tỉnh Thái Nguyên – Tuyên Quang gắn với trục QL 37 và tuyến vành đai 2 kết nối Thái Nguyên – Tuyên Quang (xây mới)⁵, gắn với phát triển kinh tế - xã hội, thương mại và du lịch địa phương và tỉnh.

+ Các trục hành lang liên xã: Bản Ngoại – La Bằng (ĐT.264C quy hoạch mới theo quy hoạch tỉnh); đường tránh phía bắc thị trấn Hùng Sơn cũ (quy hoạch mới theo quy hoạch tỉnh) gắn với phát triển dân cư, dịch vụ nông thôn và du lịch sinh thái.

- *Con người và văn hóa cộng đồng*: Phát triển con người, văn hóa và cộng đồng địa phương được đặt trong định hướng gắn kết truyền thống với đổi mới. Phát huy các giá trị lịch sử cách mạng và bản sắc văn hóa vùng chè, đồng thời nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và các chính sách an sinh xã hội. Cộng đồng

⁵ theo Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

nông thôn được định hướng trở thành một không gian văn minh, năng động, có khả năng kết nối và tham gia vào các hoạt động du lịch, kinh tế sáng tạo.

3. Vai trò, chức năng

Các chức năng chính của xã Phú Thịnh trong tỉnh Thái Nguyên:

- Thuộc khu vực nông thôn của vùng phía Nam (vùng 3) của tỉnh gắn với sản xuất nông nghiệp hiện đại, hữu cơ, gắn với chế biến và quảng bá các sản phẩm nông sản đặc trưng;

- Là điểm kết nối các tuyến du lịch Hồ Núi Cốc – Đại Từ – Tuyên Quang, đồng thời thúc đẩy phát triển du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp và trải nghiệm gắn với văn hóa bản địa, góp phần tạo giá trị kinh tế mới cho tỉnh;

Đóng vai trò điều hòa sinh thái, bảo vệ nguồn nước, rừng phòng hộ và các hồ, đầm sinh thủy quan trọng.

4. Quan điểm và mục tiêu phát triển

4.1. Quan điểm phát triển

- Phù hợp với Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050; đồng thời bám sát định hướng phân vùng phát triển kinh tế của tỉnh, trong đó xã Phú Thịnh thuộc vùng 3 – khu vực tập trung phát triển các khu công nghiệp quy mô lớn, các đô thị trung tâm, cùng hệ thống dịch vụ chất lượng cao về giáo dục, y tế và thương mại dịch vụ; phù hợp với Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025.

- Phát triển không gian xã Phú Thịnh trong mối liên kết chặt chẽ với các tuyến động lực của vùng như tuyến Thái Nguyên – Tuyên Quang (vành đai 2), Quốc lộ 37 và các tuyến đường tỉnh. Hình thành các hành lang phát triển kinh tế, du lịch và dịch vụ, đồng thời bảo tồn cảnh quan sinh thái, rừng phòng hộ và giá trị văn hóa vùng chè, tạo nền tảng cho quá trình đổi mới hạ tầng, phát triển dịch vụ và kinh tế nông thôn hiện đại.

- Xác định cây chè là ngành kinh tế chủ lực của xã, gắn với đổi mới mô hình sản xuất, chế biến, xây dựng thương hiệu và mở rộng thị trường tiêu thụ. Phát triển vùng chè theo hướng hữu cơ, sinh thái, kết hợp du lịch trải nghiệm và kinh tế sáng tạo nhằm nâng cao giá trị gia tăng và khẳng định bản sắc riêng của địa phương.

- Kết hợp phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ và du lịch sinh thái – văn hóa – nông nghiệp trải nghiệm, hướng tới xây dựng Phú Thịnh trở thành trung tâm sản xuất nông nghiệp và dịch vụ quan trọng ở khu vực Tây Nam tỉnh Thái Nguyên.

4.2. Mục tiêu phát triển

- *Giai đoạn 2026 – 2030:* Xây dựng xã Phú Thịnh trở thành xã nông thôn mới hiện đại, phát triển kinh tế dựa trên ngành chè chủ lực gắn với du lịch cộng

đồng, du lịch nông nghiệp và văn hóa trà. Phân đầu đến năm 2030, tổng giá trị sản phẩm ngành chè đạt trên 300 tỷ đồng, mở rộng diện tích chè đạt chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn GAP, có từ 2 sản phẩm chè đạt tiêu chuẩn OCOP 3–4 sao. Từng bước hoàn thiện hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật, hình thành vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, phục vụ chế biến, tiêu thụ và du lịch trải nghiệm.

- Giai đoạn 2031-2045:

+ Tiếp tục nâng cấp và hiện đại hóa ngành chè, hình thành chuỗi giá trị chè bền vững, khép kín từ sản xuất, chế biến, tiêu thụ, du lịch, gắn với kinh tế tuần hoàn và kinh tế xanh. Đa dạng hóa sản phẩm từ chè (thực phẩm, mỹ phẩm, đồ uống, sản phẩm sáng tạo...), nâng cao năng lực cạnh tranh và giá trị thương hiệu “Chè Phú Thịnh”.

+ Hoàn thiện đồng bộ kết cấu hạ tầng, dịch vụ và cảnh quan nông thôn, Phú Thịnh trở thành trung tâm sản xuất nông nghiệp công nghệ cao gắn với các sản phẩm đặc trưng của tỉnh Thái Nguyên.

5. Tác động, yêu cầu của định hướng, phương hướng, quy hoạch phát triển nông nghiệp, hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh đối với việc lập quy hoạch chung xã

5.1. Phương hướng phát triển tại các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng tác động đến phạm vi lập quy hoạch

5.1.1. Các quy hoạch ngành quốc gia

Trong danh mục 38 quy hoạch ngành quốc gia tại phụ lục số I của Luật quy hoạch ngày 24/11/2017, Nhiệm vụ quy hoạch xác định 17 quy hoạch ngành quốc gia về giao thông đường bộ; giao thông đường sắt; năng lượng; điện lực; thông tin và truyền thông; phòng, chống thiên tai và thủy lợi; hệ thống du lịch; cơ sở văn hóa và thể thao; cơ sở y tế; hạ tầng phòng cháy và chữa cháy; thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản; thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng; hệ thống đô thị và nông thôn; tài nguyên nước; lâm nghiệp; bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; bảo vệ môi trường có tác động đến phạm vi lập quy hoạch chung xã

a. Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050⁶:

- Phương hướng phát triển: Đầu tư mở rộng quốc lộ 37, cấp đường II-IV, quy mô 2-4 làn xe, tăng cường kết nối vùng.

- Tác động đến phạm vi lập quy hoạch: quy hoạch mở rộng Quốc lộ 37 tạo điều kiện thuận lợi cho kết nối vùng, thúc đẩy phát triển không gian đô thị – dịch vụ dọc các trục giao thông chính của xã.

⁶ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ

b. Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (phê duyệt tại Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ)

- Phương hướng phát triển: Cải tạo tuyến hiện trạng Hà Nội - Thái Nguyên từ ga Đông Anh đến ga Quán Triều (đường đơn, khổ lòng 1.000 mm và 1.435 mm, chiều dài 55 km), trong đó có đoạn đi qua xã Phú Thịnh. Xây dựng các tuyến đường sắt kết nối vùng, liên vùng phù hợp nhu cầu từng giai đoạn, trong đó có tuyến Thái Nguyên - Tuyên Quang - Yên Bái với chiều dài 73 km, khổ đường 1.435 mm.

- Tác động đến phạm vi lập quy hoạch: Tuyến đường sắt Hà Nội – Thái Nguyên (đoạn qua xã Phú Thịnh) được cải tạo tăng khả năng kết nối, thúc đẩy giao thương và phát triển kinh tế địa phương. Quy hoạch cần tính đến hành lang an toàn đường sắt và kết nối hợp lý với mạng lưới giao thông hiện hữu.

c. Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045⁷:

- Phương hướng phát triển: quản lý, khai thác và sử dụng nước một cách tổng hợp, tiết kiệm, hiệu quả, gắn với bảo vệ môi trường sinh thủy tự nhiên (sông, suối, hồ đầm), đảm bảo an ninh nguồn nước, giảm thiểu thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Quản lý hành lang bảo vệ sông, suối, hồ, đầm theo quy định; nghiêm cấm san lấp, lấn chiếm, xây dựng công trình trong phạm vi hành lang; tăng cường giám sát hoạt động khai thác cát, sỏi và xả thải ven sông nhằm duy trì dòng chảy tự nhiên, giảm nguy cơ sạt lở, ô nhiễm và suy thoái nguồn nước.

- Tác động đến phạm vi lập quy hoạch: định hướng quản lý tổng hợp, bảo vệ hành lang sông, suối, hồ, đầm góp phần đảm bảo an toàn nguồn nước và ổn định môi trường sinh thái, đặc biệt quan trọng với khu vực dọc sông Công và các hồ đầm lớn trên địa bàn.

d. Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (phê duyệt tại Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ):

- Phương hướng phát triển: Xác định Thái Nguyên nằm trong lưu vực sông Hồng – Thái Bình, chống lũ với tần suất 2%. Định hướng phát triển hệ thống hồ chứa, kênh mương, công trình thủy lợi nhỏ và hạ tầng phòng chống thiên tai nhằm đảm bảo an toàn dân cư, giảm thiểu ngập úng và bảo đảm nguồn nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp

- Tác động đến phạm vi lập quy hoạch: Xây dựng các giải pháp về thoát nước, bảo vệ hành lang sông, suối, kè chống sạt lở và bố trí đất công trình đầu mối thủy lợi trong quy hoạch chung xã.

e. Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045⁸:

⁷ phê duyệt tại Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 27/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ

⁸ phê duyệt tại Quyết định số 509/QĐ-TTg ngày 13/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ

- Phương hướng phát triển: Định hướng phát triển du lịch gắn với khai thác giá trị cảnh quan thiên nhiên, hệ sinh thái đặc trưng và bản sắc văn hóa dân tộc; khuyến khích hình thành các sản phẩm du lịch đặc thù của vùng Trung du và miền núi phía Bắc, hướng tới phát triển bền vững và tạo sinh kế cho cộng đồng địa phương.

- Tác động đến phạm vi lập quy hoạch: định hướng xã Phú Thịnh khai thác tiềm năng cảnh quan, di tích lịch sử và làng nghề gắn với du lịch cộng đồng, trải nghiệm.

f. Quy hoạch mạng lưới văn hóa và thể thao thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045⁹:

- Phương hướng phát triển: Mục tiêu đến năm 2030, 100% xã có Trung tâm Văn hóa – Thể thao, 100% xóm có Nhà văn hóa – Khu thể thao đạt chuẩn. Các công trình văn hóa được tổ chức, quản lý theo mô hình đa năng, khai thác linh hoạt phục vụ hội họp, sinh hoạt cộng đồng, hoạt động văn hóa – thể thao, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của người dân nông thôn.

- Tác động đến phạm vi quy hoạch: Xã cần bố trí trung tâm văn hóa – thể thao đa năng, đồng bộ với hạ tầng xã hội, đảm bảo các thôn, xóm đều tiếp cận dịch vụ văn hóa – thể thao đạt chuẩn.

g. Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (phê duyệt tại Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 27/02/2024):

- Phương hướng phát triển: Tổ chức phân bố không gian tại Thái Nguyên có 01 Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế; 01 Bệnh viện đại học và 01 trung tâm sàng lọc chẩn đoán trước sinh và sơ sinh.

- Tác động đến phạm vi lập quy hoạch: Quy hoạch mạng lưới y tế nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng cao cho người dân, bảo đảm an sinh xã hội. Xã cần dự kiến quỹ đất và kết nối giao thông hợp lý để thuận tiện tiếp cận các bệnh viện cấp vùng, cấp tỉnh và quốc gia và các cơ sở khám chữa bệnh chuyên sâu.

h. Quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (phê duyệt tại Quyết định 819/QĐ-TTg ngày 07/7/2023):

- Phương hướng phát triển: định hướng quy hoạch phát triển mạng lưới doanh trại, trụ sở cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tại tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030 có 12 vị trí với tổng diện tích đất 12 ha.

- Tác động đến phạm vi lập quy hoạch: Quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy tăng cường khả năng ứng phó sự cố, bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản cho người dân. Xã cần dự trù quỹ đất, bố trí vị trí trạm, trụ sở PCCC và kết nối giao thông để đảm bảo tiếp cận nhanh chóng, đồng bộ với mạng lưới cứu nạn cứu hộ cấp tỉnh.

⁹ phê duyệt tại Quyết định số 991/QĐ-TTg ngày 16/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ

i. Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (phê duyệt tại Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024)

- Phương hướng phát triển: Xây dựng nông thôn mới hiện đại, xanh, sạch, đẹp, gắn kết phát triển nông nghiệp, dịch vụ, du lịch sinh thái và bảo tồn văn hóa, đồng thời thúc đẩy đô thị hóa nông thôn theo hướng tập trung, cơ sở hạ tầng đồng bộ, nâng cao chất lượng đời sống và sinh kế cho người dân. Tổ chức khu dân cư nông thôn phù hợp với vùng sinh thái, địa hình và đặc trưng dân tộc, kết nối hiệu quả với mạng lưới đô thị và dịch vụ liên vùng.

- Tác động đến phạm vi khu vực lập quy hoạch: Quy hoạch cần đảm bảo quỹ đất cho phát triển khu dân cư tập trung, cơ sở hạ tầng đồng bộ, hành lang sinh thái và bảo vệ môi trường, đồng thời tạo điều kiện phát triển kinh tế, nâng cao dịch vụ xã hội, gắn kết nông thôn, đô thị và giảm khoảng cách phát triển giữa các vùng miền.

j. Quy hoạch lâm nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (phê duyệt tại Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2025)

- Phương hướng phát triển: Tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030 có 172.010 ha đất lâm nghiệp, trong đó 35.660 ha rừng đặc dụng, 37.030 ha rừng phòng hộ và 99,32 ha rừng sản xuất. Tỷ lệ che phủ rừng toàn quốc ổn định từ 42% – 43%. Chú trọng phát triển rừng sản xuất gắn với kinh tế lâm nghiệp bền vững, du lịch sinh thái và dịch vụ môi trường rừng.

- Tác động đến phạm vi lập quy hoạch: Xã Phú Thịnh hiện có 1.287,41 ha đất lâm nghiệp, cần tiếp tục nâng tỷ lệ che phủ rừng, ổn định môi trường sinh thái, phòng chống xói mòn, sạt lở đất.

k. Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (phê duyệt tại Quyết định số 389/QĐ-TTg ngày 09/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ)

- Phương hướng phát triển: Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, quy hoạch xác định khu vực hồ Núi Cốc (vùng lòng hồ Núi Cốc trên hệ thống sông Công) với diện tích 242 ha nằm trong danh mục khu vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản nội địa thời kỳ 2021-2030.

- Tác động đến phạm vi lập quy hoạch: Quy hoạch chung xã cần đảm bảo không làm ảnh hưởng đến vùng bảo vệ thủy sản; mọi hoạt động sản xuất, dịch vụ, du lịch hoặc khai thác tài nguyên phải tuân thủ quy định về bảo tồn nguồn lợi thủy sinh.

l. Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050¹⁰ :

- Phương hướng phát triển: Đến năm 2030, hoàn thiện phủ sóng băng rộng cố định và di động 5G đến từng hộ dân; 100% cơ quan hành chính từ Trung ương đến cấp xã kết nối vào mạng số liệu chuyên dùng. Giai đoạn đến năm

¹⁰ phê duyệt tại Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ

2050, phát triển hạ tầng viễn thông – công nghệ thông tin thông minh, xanh, tích hợp công nghệ IoT, góp phần hình thành đô thị và nông thôn thông minh, quản lý hiệu quả dữ liệu và dịch vụ công.

- Tác động đến phạm vi lập quy hoạch: cần tích hợp định hướng phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia: bố trí hạ tầng số, viễn thông thế hệ mới, điểm bưu chính, trung tâm dữ liệu cấp vùng và hệ thống hỗ trợ chuyển đổi số trong sản xuất – dịch vụ – quản lý hành chính.

m. Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050 (phê duyệt tại Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023):

- Phương hướng phát triển: Phát triển ngành khai thác, chế biến khoáng sản đồng bộ, hiệu quả, tiết kiệm và bền vững, ưu tiên các loại khoáng sản chiến lược, trữ lượng lớn (bô-xít, titan, đất hiếm, crôm, niken, đồng, vàng). Khuyến khích áp dụng công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại, kết hợp bảo vệ môi trường, tái chế phụ phẩm, giảm phát thải các-bon và hướng tới nền kinh tế tuần hoàn. Hạn chế khai thác mỏ nhỏ, phân tán; tập trung hình thành các cụm mỏ quy mô đủ lớn, gắn kết chặt chẽ giữa thăm dò, khai thác và chế biến, đồng thời đảm bảo hài hòa với cảnh quan, di sản, đời sống người dân và phát triển kinh tế – xã hội bền vững.

- Tác động đến phạm vi lập quy hoạch: Quy hoạch nghiên cứu dự trữ quỹ đất, bố trí vùng khai thác, chế biến khoáng sản (nếu có) và hành lang bảo vệ môi trường hợp lý, hạn chế xung đột với khu dân cư, nông nghiệp, di tích lịch sử – văn hóa và cảnh quan thiên nhiên. Đồng thời, khai thác khoáng sản trong khu vực phải đảm bảo an toàn, sử dụng công nghệ hiện đại, thúc đẩy việc làm, tăng thu ngân sách và hỗ trợ phát triển kinh tế – xã hội địa phương.

n. Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (phê duyệt tại Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 26/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ)

- Phương hướng phát triển: Quy hoạch đưa ra mục tiêu: Thực hiện thành công chuyển đổi năng lượng góp phần quan trọng đáp ứng mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. Tỷ trọng năng lượng tái tạo trong tổng năng lượng sơ cấp 15 - 20% năm 2030 và khoảng 80 - 85% năm 2050. Tiết kiệm năng lượng khoảng 8 - 10% vào năm 2030 và khoảng 15 - 20% vào năm 2050 so với kịch bản phát triển bình thường. cắt giảm khí nhà kính 17 - 26% vào năm 2030 khoảng 90% vào năm 2050 so với kịch bản phát triển bình thường. Phát triển sản xuất năng lượng mới phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

- Tác động đến phạm vi lập quy hoạch: Cần định hướng ưu tiên sử dụng năng lượng tái tạo trong sinh hoạt, dịch vụ và sản xuất nông nghiệp, khuyến khích áp dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng trong công trình công cộng, nhà ở và cơ sở chế biến chế. Các khu chức năng mới trong quy hoạch phải tuân thủ mục tiêu giảm phát thải, tăng cường các giải pháp hạ tầng xanh, phát triển mô hình nông nghiệp – du lịch bền vững có sử dụng năng lượng sạch (điện

mặt trời mái nhà, năng lượng sinh khối quy mô nhỏ...). Đồng thời, các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ và du lịch trong xã cần đáp ứng tiêu chí phát triển bền vững, giảm phát thải khí nhà kính theo lộ trình chung của quốc gia giai đoạn 2030 – 2050.

o. Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (phê duyệt tại Quyết định số 1626/QĐ-TTg ngày 15/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ)

- Phương hướng phát triển: Phân đầu đến năm 2030, ngành công nghiệp khai thác - chế biến các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng trở thành ngành công nghiệp hiện đại, áp dụng triệt để các giải pháp công nghệ thông tin, công nghệ định vị vào quản lý và sản xuất; hạn chế các hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng sử dụng không hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới thiết bị khai thác, chế biến tiên tiến, hiện đại gắn với mô hình kinh tế tuần hoàn, ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính; đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu các sản phẩm có giá trị gia tăng cao và lợi thế cạnh tranh; đầu tư các dự án khai thác, chế biến khoáng sản làm xi măng và đá hoa trở thành ngành công nghiệp chủ đạo, phát triển bền vững tương xứng với quy mô khoáng sản. Giai đoạn tầm nhìn đến năm 2050: Phát triển ngành công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng thành ngành kinh tế mạnh, đạt trình độ tiên tiến, hiện đại, đáp ứng cơ bản nhu cầu trong nước; áp dụng triệt để công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi toàn diện công nghệ, thiết bị các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản tiên tiến, hiện đại theo mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh tương đương với các nước tiên tiến khu vực Châu Á, hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng 0 trước năm 2050; chấm dứt các hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng sử dụng không hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, gây ô nhiễm môi trường, ưu tiên phát triển vật liệu xanh, vật liệu mới thân thiện với môi trường; khuyến khích hình thành và phát triển một số doanh nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng quy mô lớn, hoạt động hiệu quả, có khả năng cạnh tranh quốc tế.

- Tác động đến phạm vi khu vực lập quy hoạch: tạo ra những định hướng quan trọng ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến không gian phát triển của xã Phú Thịnh. Trên địa bàn xã và khu vực lân cận có tiềm năng về một số loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (đá xây dựng, đất san lấp, cát sỏi lòng suối...).

p. Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (phê duyệt tại Quyết định số 389/QĐ-TTg ngày 09/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ)

- Phương hướng phát triển: Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, quy hoạch xác định khu vực hồ Núi Cốc (vùng lòng hồ Núi Cốc trên hệ thống sông Công) với diện tích 242 ha nằm trong danh mục khu vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản nội địa thời kỳ 2021-2030.

- Tác động đến phạm vi lập quy hoạch: Quy hoạch chung xã cần đảm bảo không làm ảnh hưởng đến vùng bảo vệ thủy sản; mọi hoạt động sản xuất, dịch vụ, du lịch hoặc khai thác tài nguyên phải tuân thủ quy định về bảo tồn nguồn lợi thủy sinh.

q. Điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (phê duyệt tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025):

- Phương hướng phát triển: Phát triển nguồn năng lượng tái tạo và lưới điện truyền tải, phân phối, ưu tiên mở rộng cấp điện khu vực trung du và miền núi. Tỉnh Thái Nguyên được bổ sung các dự án nguồn điện, năng lượng tái tạo phân tán, khuyến khích điện mặt trời mái nhà, điện sinh khối nông nghiệp, năng lượng sạch phục vụ hộ dân, sản xuất và dịch vụ du lịch.

- Tác động đến phạm vi lập quy hoạch: quy hoạch mạng lưới cấp điện nông thôn, hệ thống trạm biến áp, hành lang tuyến điện, và các giải pháp năng lượng xanh tại khu dân cư và khu vực phát triển du lịch sinh thái.

5.1.2. Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050¹¹ đưa ra các phương hướng:

- Các chỉ tiêu phát triển: Giai đoạn 2031 - 2050, phấn đấu tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn vùng (GRDP) bình quân đạt khoảng 7,5 - 8,0 %/năm. Đến năm 2050, GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt khoảng 15.000 - 18.000 USD, chỉ số phát triển con người (HDI) đạt trên 0,75, đời sống của người dân hạnh phúc, quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc.

- Xác định Thái Nguyên là trung tâm công nghiệp, đô thị và dịch vụ của tiểu vùng Đông Bắc; phát triển chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp chủ lực, đặc biệt là chè Thái Nguyên, gắn với chế biến sâu, thương mại và xuất khẩu; mở rộng vùng nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái. Đồng thời, đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái, văn hóa, lịch sử, nâng cao chất lượng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu, đầu tư hạ tầng đồng bộ, cảnh quan thích ứng biến đổi khí hậu. Bên cạnh đó, ưu tiên phát triển hạ tầng thủy lợi, cấp nước (Hồ Núi Cốc), trung tâm nghiên cứu, đào tạo, văn hóa – thể thao, cũng như các giải pháp bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế xanh và tuần hoàn.

- Tác động đến phạm vi lập quy hoạch: Chỉ tiêu GRDP bình quân đầu người và HDI tăng kéo theo nhu cầu nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, cải thiện chất lượng giáo dục – y tế – môi trường và nâng cao chất lượng sống của người dân. Định hướng phát triển Thái Nguyên trở thành trung tâm công nghiệp, dịch vụ của tiểu vùng, cùng chiến lược phát triển nông nghiệp sinh thái, công nghệ cao và kinh tế xanh sẽ tạo động lực cho xã Phú Thịnh hình thành các

¹¹ phê duyệt tại Quyết định số 369/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ

khu vực sản xuất tập trung, dịch vụ nông nghiệp và du lịch sinh thái gắn với cảnh quan tự nhiên.

5.2. Phương án quy hoạch tại quy hoạch tỉnh có tác động đến phạm vi lập quy hoạch

Các phương án chính trong Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050¹² có tác động trực tiếp đến phạm vi lập quy hoạch xã Phú Thịnh, cụ thể:

Phương án phát triển mạng lưới giao thông:

+ Nâng cấp Đường tỉnh 263 lên tiêu chuẩn đường cấp III miền núi, quy mô 2 làn xe, góp phần tăng cường kết nối Phú Thịnh với các khu vực lân cận.

+ Xây dựng tuyến kết nối Thái Nguyên – Tuyên Quang, quy mô đường cấp II, 4 làn xe, là tuyến giao thông trọng điểm vùng, tạo hành lang liên kết phát triển kinh tế – xã hội, thương mại và du lịch qua địa bàn.

+ Quy hoạch mới tuyến Đường Bản Ngoại – La Bằng (ĐT.264C), quy mô đường cấp IV miền núi, 2 làn xe, tăng cường liên kết liên xã.

+ Phát triển một số tuyến mới nhằm tăng cường kết nối các khu vực trong tỉnh với quy mô tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe; đường đô thị, 2 làn xe: Đường tránh thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ dài 6km, điểm đầu từ nút giao QL37 với ĐT270 và kết thúc tại QL37 xã Bản Ngoại. Quy mô tối thiểu đường cấp IV-MN.

Về không gian: Hình thành không gian phát triển đô thị sinh thái, văn hóa, du lịch, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp và chế biến, gắn với du lịch nông nghiệp, du lịch trải nghiệm, du lịch sinh thái cảnh quan.

Phát triển hạ tầng an ninh – xã hội: Quy hoạch xây dựng cụm Công an khu vực (một phần nằm trên địa bàn xã Phú Thịnh) nhằm đáp ứng yêu cầu đảm bảo an ninh trật tự, phục vụ quản lý hành chính và phát triển dân cư sau sáp nhập.

Định hướng phát triển các đầu mối kinh tế - kỹ thuật gắn với cụm công trình đổi mới:

+ Trên địa bàn các huyện, tại các khu vực thuận tiện phát triển về giao thông, có điều kiện tự nhiên thuận lợi, đặc biệt tại khu vực khó khăn bố trí quỹ đất để thu hút đầu tư xây dựng các đầu mối kinh tế - kỹ thuật. Đến năm 2030 toàn tỉnh sẽ có 14 đầu mối kinh tế - kỹ thuật tại: Đức Lương, La Bằng, Bản Ngoại, Vạn Thợ, Văn Yên, Tân Linh (huyện Đại Từ); Thành Công, Minh Đức (thành phố Phổ Yên); Tân Khánh (huyện Phú Bình); Hợp Tiến (huyện Đồng Hỷ); Vũ Chấn, Thần Sa (huyện Võ Nhai); Yên Ninh, Yên Lạc (huyện Phú Lương).

+ Huyện Đại Từ phấn đấu là huyện đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025, thêm 09 xã đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành mục tiêu 100% số xã đạt

¹² phê duyệt tại Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ

chuẩn nông thôn mới. Các xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới từ năm 2020 trở về trước xây dựng xã nông thôn mới nâng cao; xã Cù Vân hoàn thiện các tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới và các tiêu chí đô thị loại 5; xã An Khánh đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021 và phấn đấu cơ bản đạt xã nông thôn mới nâng cao năm 2025. Xây dựng các xã nông thôn mới kiểu mẫu: Xã Tiên Hội năm 2022, xã La Bằng năm 2023, xã Phú Cường năm 2025. Các xã đảm bảo đáp ứng tỷ lệ 55% số xóm đạt xóm nông thôn mới kiểu mẫu.

- Phương án quy hoạch vùng liên huyện:

+ Đối với khu vực nông thôn, tiếp tục đầu tư xây dựng các trung tâm cụm xã trong vùng, bao gồm: Thượng Đình, Tân Thành, Thanh Ninh (Phú Bình); Hà Thượng (Đại Từ). Đồng thời đầu tư xây dựng các cụm đổi mới tại các xã Đức Lương, La Bằng, Bản Ngoại, Vạn Thọ, Văn Yên, Tân Linh (Đại Từ); Thành Công, Minh Đức (Phổ Yên); Tân Khánh (Phú Bình).

+ Vị trí của vùng tại khu vực phía Bắc huyện Đại Từ, bao gồm các xã: Minh Tiến, Na Mao, Phú Cường, Phúc Lương, Đức Lương, Phú Lạc, Tân Linh, Phúc Linh của huyện Đại Từ.

- Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh:

+ Khai thác, chế biến, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản, không làm ảnh hưởng môi trường và các danh lam, thắng cảnh trên địa bàn.

+ Giai đoạn 2021 - 2030, thực hiện đóng cửa các mỏ khoáng sản đã hết thời hạn, trữ lượng khai thác; quy hoạch thực hiện và mở rộng các mỏ khoáng sản, mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng theo quy định của pháp luật.

- Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước; phòng chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra:

+ Ưu tiên phân bổ nguồn nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước theo thứ tự: (i) Nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt; (ii) Nhu cầu sử dụng nước cho công nghiệp; (iii) Nhu cầu sử dụng nước cho du lịch, dịch vụ; (iv) Nhu cầu sử dụng nước cho nông nghiệp, thủy sản và các lĩnh vực khác.

+ Cải thiện chất lượng nước, khắc phục tình trạng ô nhiễm tại các đoạn sông, nguồn nước nội tỉnh hiện đang bị ô nhiễm hoặc chưa đáp ứng được mục đích sử dụng đề ra; duy trì, bảo vệ chất lượng nước mặt chưa bị ô nhiễm để bảo đảm đáp ứng được mục tiêu chất lượng nước trong kỳ quy hoạch.

+ Kiểm soát hiệu quả các nguồn thải hiện có và các nguồn thải mới phát sinh trong kỳ quy hoạch: Nước thải công nghiệp, sinh hoạt, y tế và các loại nước thải khác được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn.

- Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu:

+ Hoàn thiện cơ sở dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành phòng chống thiên tai được hình thành theo hướng đồng bộ, liên thông; khu vực trọng điểm, xung yếu phòng chống thiên tai được lắp đặt hệ thống theo dõi, giám sát.

+ Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, chống các loại thiên tai thường xuyên xảy ra như lũ, lũ quét, sạt lở đất, ngập úng, hạn hán và thích ứng với biến đổi khí hậu. Di dân, tái định cư cho người dân nằm trong vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng thiên tai.

+ Củng cố hệ thống đê sông, hồ chứa nước, các công trình phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Nâng cao năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu của hệ thống cơ sở hạ tầng. Thiết lập hệ thống giám sát và đánh giá các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu. Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

+ Xây dựng cắm mốc chỉ giới hành lang thoát lũ, chứa lũ; mốc cảnh báo lũ khu vực không có đê; chỉ giới khu vực dân cư tập trung hiện có trước mắt được tồn tại khu vực có đê. Xây dựng hệ thống công trình thoát lũ hạ du hồ Núi Cốc trên sông Công nhằm đảm bảo khả năng phòng, chống thoát lũ và an toàn cho hồ xả lũ.

** Đánh giá các phương án tại quy hoạch tỉnh có tác động đến phạm vi lập quy hoạch chung xã Phú Thịnh:*

Các phương án quy hoạch trong quy hoạch tỉnh Thái Nguyên có tác động trực tiếp và toàn diện đến phạm vi lập quy hoạch xã Phú Thịnh, thể hiện rõ nhất trong định hướng phát triển kết cấu hạ tầng, tổ chức không gian, phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường:

- Việc nâng cấp Đường tỉnh 263 lên tiêu chuẩn đường cấp III miền núi và hoàn thiện các tuyến kết nối như đường Thái Nguyên – Tuyên Quang, tuyến ĐT.264C hay đường tránh thị trấn Hùng Sơn tạo ra mạng lưới giao thông liên vùng hiện đại, tăng khả năng tiếp cận của xã Phú Thịnh với các trung tâm kinh tế – đô thị của tỉnh. Điều này không chỉ thúc đẩy lưu thông hàng hóa, dịch vụ mà còn mở rộng không gian phát triển cho các khu chức năng mới trong xã, đặc biệt là các khu dân cư, thương mại – dịch vụ và vùng sản xuất nông nghiệp tập trung.

- Định hướng phát triển đô thị sinh thái, du lịch, văn hóa và nông nghiệp công nghệ cao của tỉnh cũng tác động mạnh đến xác lập cấu trúc không gian của xã Phú Thịnh. Với lợi thế về cảnh quan, nông nghiệp, xã có điều kiện thuận lợi để phát triển mô hình du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm gắn với sản xuất nông nghiệp an toàn. Đồng thời, việc quy hoạch xây dựng cụm Công an khu vực (một phần trên địa bàn xã) yêu cầu Phú Thịnh bố trí quỹ đất phù hợp, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, qua đó nâng cao vai trò của xã như một điểm nút hành chính trong vùng.

- Sự hình thành các đầu mối kinh tế – kỹ thuật trên địa bàn huyện Đại Từ cũ và các khu vực lân cận như La Bằng, Đức Lương cũng tạo động lực lan tỏa phát triển đến Phú Thịnh. Xã có cơ hội tham gia vào chuỗi cung ứng nông nghiệp – chế biến – dịch vụ của khu vực, đồng thời cần định hướng quỹ đất để hình thành các khu vực sản xuất, dịch vụ hỗ trợ liên xã. Chương trình xây dựng nông thôn mới ở huyện Đại Từ cũ, với mục tiêu 100% xã đạt chuẩn, cũng đặt Phú Thịnh

vào xu thế nâng cao đồng bộ các tiêu chí về hạ tầng, môi trường, cảnh quan và sinh kế người dân, từ đó tạo áp lực phát triển nhưng cũng mở ra cơ hội cải thiện hạ tầng toàn diện.

- Trong phương án quy hoạch vùng liên huyện, Phú Thịnh nằm trong cấu trúc kết nối liên xã, liên vùng. Việc đầu tư các trung tâm cụm xã và cụm đổi mới tại khu vực này khiến Phú Thịnh giữ vai trò là mắt xích kết nối các hoạt động sản xuất, dịch vụ và logistic của vùng. Xã cần tổ chức không gian phù hợp để đáp ứng các yêu cầu liên kết vùng, đặc biệt về giao thông, đất dịch vụ và hạ tầng thương mại.

- Các phương án liên quan đến bảo vệ, khai thác tài nguyên và môi trường cũng tác động đáng kể đến định hướng quy hoạch xã. Việc đóng cửa hoặc mở rộng các mỏ khoáng sản trong huyện ảnh hưởng đến giao thông vận tải, môi trường và sử dụng đất của xã. Chính sách phân bổ và bảo vệ nguồn nước yêu cầu Phú Thịnh phải thiết kế hệ thống thu gom, xử lý nước thải theo quy chuẩn, nhất là khi hướng đến phát triển du lịch và nông nghiệp chất lượng cao. Đồng thời, các giải pháp phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu đòi hỏi quy hoạch chung xã cần rà soát vùng nguy cơ sạt lở, lũ quét, đảm bảo an toàn cho khu dân cư và hạ tầng thiết yếu, đồng thời tích hợp hệ thống cảnh báo và thoát nước phù hợp.

Nhìn chung, các phương án quy hoạch của tỉnh tạo ra khung phát triển tổng thể, vừa là cơ hội vừa là yêu cầu bắt buộc đối với việc lập quy hoạch chung xã Phú Thịnh. Xã cần khai thác tối đa lợi thế từ mạng lưới giao thông, các đầu mối kinh tế – kỹ thuật và định hướng phát triển không gian của tỉnh, đồng thời đảm bảo tiêu chí phát triển bền vững, an toàn trước thiên tai, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng sống và phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới.

5.3. Các dự án có tác động đến phạm vi lập quy hoạch xã Phú Thịnh

- Các dự án trọng điểm đang và dự kiến triển khai trong giai đoạn quy hoạch trên địa bàn xã, gồm:

+ Dự án khu dân cư trung tâm xã Phú Cường cũ (tại xã Phú Cường cũ): quy mô 65 ha.

+ Dự án khu dân cư trung tâm xã (tại xã Bản Ngoại cũ): quy mô 83 ha.

+ Dự án khu dân cư dọc đường TL264 (tại xã Phú Cường cũ): quy mô 30 ha.

+ Dự án Khu dân cư đồng Rộc Ri, Đồng Đá (tại xã Bản Ngoại cũ): quy mô 15 ha.

+ Dự án khu dân cư xóm Lê Lợi, Ba Giăng, Phổ (tại xã Bản Ngoại cũ): quy mô 62 ha.

+ Dự án khu thương mại dịch vụ trung tâm xã: quy mô 9 ha.

- Các dự án này trên có tác động quan trọng đến phạm vi lập quy hoạch:

+ Làm thay đổi tổ chức không gian, sử dụng đất, hình thành các khu vực phát triển dân cư mới, khu dân cư tập trung và cụm công nghiệp, dịch vụ thương mại.

+ Tăng quy mô dân số (đặc biệt dân số cơ học), lao động và nhu cầu hạ tầng kỹ thuật – xã hội, đặc biệt về giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước và xử lý môi trường.

+ Tạo động lực mạnh mẽ cho quá trình đô thị hóa nông thôn, chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế; đồng thời đặt ra yêu cầu quản lý chặt chẽ quy hoạch, bảo đảm phát triển bền vững, hài hòa giữa sản xuất, dân cư và môi trường.

IV. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG, TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN VÀ DỰ BÁO PHÁT TRIỂN

1. Đánh giá tổng quát thực trạng và tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội

- *Vị trí:* xã Phú Thịnh có vị trí địa lý thuận lợi, nằm trên các trục giao thông quan trọng của quốc gia và tỉnh gồm QL 37, Thái Nguyên – Tuyên Quang (vành đai 2 - xây mới), ĐT.264, ĐT.270E (nâng cấp từ DH 74), Bản Ngoại – La Bằng (xây mới), tạo lên các trục hành lang kinh tế động lực cho xã, thuận lợi kết nối vùng, đồng thời mở ra tiềm năng phát triển nông nghiệp hàng hóa, du lịch sinh thái và dịch vụ nông nghiệp.

- *Tiềm năng đất đai, địa hình, thủy văn:* Xã có quỹ đất sản xuất nông nghiệp tương đối lớn; khí hậu ôn hòa, lượng mưa dồi dào, phù hợp cho phát triển cây công nghiệp dài ngày, đặc biệt là cây chè – cây trồng chủ lực của xã và của tỉnh Thái Nguyên. Điều kiện này tạo thuận lợi cho việc mở rộng vùng chuyên canh chè, ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến sâu và phát triển sản phẩm OCOP. Địa hình trung du đặc trưng với các dải đồi thấp, bằng phẳng cục bộ, còn nhiều dư địa để bố trí khu dân cư mới, phát triển hạ tầng kỹ thuật và thu hút các dự án công nghiệp, thương mại, dịch vụ quy mô phù hợp. Mạng lưới sông, suối, hồ phong phú, nguồn nước ổn định, không chỉ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và sản xuất mà còn tạo tiềm năng phát triển du lịch sinh thái gắn với cảnh quan nông nghiệp; song cần chú trọng công tác bảo vệ rừng và hành lang sông, suối nhằm bảo đảm phát triển bền vững.

- *Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:* Xã Phú Thịnh nằm trong vùng ảnh hưởng trực tiếp của các công trình hạ tầng cấp quốc gia, cấp vùng và tỉnh như QL 37, đường Thái Nguyên – Tuyên Quang (vành đai 2), ĐT.264, ĐT.270E (nâng cấp từ DH 74). Các tuyến này không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho giao thông, thương mại và du lịch mà còn là động lực thúc đẩy phát triển không gian dân cư và dịch vụ trong xã.

- *Văn hóa, xã hội:* xã Phú Thịnh có truyền thống sản xuất nông nghiệp, đời sống văn hóa cộng đồng giàu bản sắc gắn với văn hóa trà Thái Nguyên và phong tục tập quán của cư dân nông thôn vùng trung du. Đây là nền tảng quan trọng để phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp gắn với trải nghiệm văn hóa trà, đồng thời góp phần gìn giữ, phát huy bản sắc địa phương.

2. Dự báo dân số, lao động, đất đai và hạ tầng kỹ thuật

2.1. Dự báo dân số

2.1.1. Dự báo dân số thường trú

a.1) Dân số tự nhiên

- Cơ sở dự báo tốc độ tăng trưởng tự nhiên: Theo Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, dự báo giai đoạn 2020-2030, tăng trưởng dân số có xu hướng giảm 0,1%. Do đó tăng tự nhiên có xu

hướng giảm trung bình 0,1% trong giai đoạn 10 năm.

- Tăng dân số tự nhiên hiện trạng xã Phú Thịnh là 1,01%/năm. Dự báo giai đoạn 2025-2030 đạt 0,9% và giai đoạn 2031-2045 đạt 0,8%.

Áp dụng công thức toán học: $P = P_0 (1 + \alpha)^n$

- P: dân số năm dự báo 2030, 2045.
- P_0 : Dân số năm gốc (năm 2025; năm 2030)
- α : tỷ lệ tăng trưởng dân số tự nhiên trong giai đoạn
- n: số năm trong giai đoạn dự báo

Theo đó, dân số tự nhiên xã Phú Thịnh đến năm 2035 đạt 21.000 người; năm 2045 đạt 23.000 người.

a.2) Dân số cơ học

Dân số cơ học được tính toán dựa trên nhu cầu phát triển khu dân cư mới trên địa bàn xã Phú Thịnh theo giai đoạn 2025-2030 và 2031-2045, cụ thể:

* Giai đoạn 2025 -2030: Dân số cơ học đạt khoảng 6.200 người

Bảng 5: Dự báo dân số cơ học xã Phú Thịnh đến năm 2035

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện dự án		Diện tích dự kiến (ha)	Diện tích đất ở (ha)	Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu theo QCVN 01-2021 (m2/người)	Chỉ tiêu sử dụng đất theo dự án (m2/người)	Dự báo dân số (người)
		Trước sáp nhập	Sau sáp nhập					
	TỔNG CỘNG			148,00	37,00			6.200
1	Dự án khu dân cư trung tâm xã Phú Cường cũ	Xã Phú Cường	Xã Phú Thịnh	65,00	16,25	25,00	60,00	2708
2	Dự án Khu dân cư trung tâm xã	Xã Bản Ngoại	Xã Phú Thịnh	83,00	20,75	25,00	60,00	3458

* Giai đoạn 2031-2045: Dân số cơ học tăng lên khoảng 4.500 người so với năm 2030.

Bảng 6: Dự báo dân số cơ học tăng lên vào năm 2045

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện dự án		Diện tích dự kiến (ha)	Diện tích đất ở (ha)	Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu theo QCVN 01-2021 (m2/người)	Chỉ tiêu sử dụng đất theo dự án (m2/người)	Dự báo dân số (người)
		Trước sáp nhập	Sau sáp nhập					
	TỔNG CỘNG			107,00	7,50			4.500

1	Dự án khu dân cư dọc đường TL264	Xã Phú Cường	Xã Phú Thịnh	30,00	7,50	25,00	60,00	1250
4	Dự án Khu dân cư đồng Rộc Ri, Đồng Đá	Xã Bần Ngoại	Xã Phú Thịnh	15,00	3,75	25,00	60,00	625
5	Dự án khu dân cư xóm Lê Lợi, Ba Giăng, Phố	Xã Bần Ngoại	Xã Phú Thịnh	62,00	15,50	25,00	60,00	2583

Như vậy, dân số cơ học giai đoạn 2025-2030 là 6.200 người; giai đoạn 2031-2045 là 10.700 người.

2.1.2. Dân số quy đổi

Dự báo quy mô dân số quy đổi (khách vắng lai, lao động từ các địa phương khác đến xã Phú Thịnh làm việc) chủ yếu từ hoạt động dịch vụ, thương mại, công nghiệp (công nhân lao động tại cụm công nghiệp).

Dân số tạm trú quy đổi được tính theo công thức :

$$N_0 = \frac{2N_t \times m}{365}$$

Trong đó:

No: Dân số tạm trú quy đổi (người)

Nt: Tổng số lượt khách tạm trú (ngày)

m: số ngày tạm trú trung bình 1 khách (ngày)

a.1) Dân số tạm trú quy đổi từ hoạt động dịch vụ thương mại

Bảng 7: Dân số tạm trú quy đổi từ hoạt động dịch vụ thương mại

Hạng mục	Nội dung	Dân số tạm trú	Dân số quy đổi (người)	Chỉ tiêu tính toán
Giai đoạn 2025-2035			30	
Thương mại dịch vụ	Quy hoạch khu thương mại dịch vụ trung tâm xã 9 ha (Mật độ xây dựng 40%); Đối tượng lao động làm việc tại khu vực thương mại, dịch vụ...	1.575	30	Hệ số SĐĐ trung bình: 1.0, số nhân viên trên đơn vị diện tích sàn: 1 người/40m ² Lao động từ nơi khác đến chiếm khoảng 70% Số ngày lưu trú bình quân 3-5 ngày

a.2) Dân số tạm trú quy đổi lao động công nghiệp

Bảng 8: Dân số quy đổi lao động công nghiệp

Tên dự án	Địa điểm thực hiện dự án		Diện tích dự kiến (ha)	Diện tích đất xây dựng công nghiệp (ha)	Chỉ tiêu sử dụng đất theo dự án (lao động/ha)	Dự báo lao động 2035 (người) (không tính lao động địa phương)	Dự báo lao động 2045 (người) (không tính lao động địa phương)	Ghi chú
	Trước sáp nhập	Sau sáp nhập						
TỔNG CỘNG			126,00	88,20		3.700	3.100	
Cụm công nghiệp Phú Thịnh	Xã Phú Thịnh	Xã Phú Thịnh	126	88,20	70,00	3.704	3.087	'- Lao động nơi khác làm việc năm 2035 ước chiếm 60%; năm 2045 ước chiếm 50% tổng lao động địa phương

Như vậy dân số quy đổi giai đoạn 2025-2030 là 3.730 người; giai đoạn 2031-2045 là 3.130 người

a.3) Tổng hợp dự báo dân số

Dự báo dân số xã Phú Thịnh đến năm 2030 là 30.930 người, năm 2045 là 36.830 người.

Bảng 9: Dự báo dân số xã Phú Thịnh đến năm 2045

Stt	Dân số	2025	2030	2045
I	Dân số thường trú		27.200	33.700
1	Dân số tự nhiên	19.450	21.000	23.000
	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	1,01%	0,90%	0,8%
2	Dân số cơ học		6.200	10.700
II	Dân số quy đổi		3.730	3.130
	Tổng cộng	19.450	30.930	36.830

2.2. Dự báo lao động xã

Dự báo lao động xã Phú Thịnh năm 2030 đạt khoảng 20.100 người, chiếm khoảng 65%; đến năm 2045 đạt khoảng 25.000 người, chiếm 68% dân số xã.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 75%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt từ 38% trở lên.

2.3. Chỉ tiêu đất đai, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật

3. Chỉ tiêu đất đai, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật

Trên cơ sở QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng và QCVN 07:2023/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ

thống công trình hạ tầng kỹ thuật; Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/02/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định định mức sử dụng đất cho cơ sở y tế theo công trình; Văn bản số 2893/SYT-KHTC ngày 14/10/2025 của Sở Y tế; Văn bản số 167/BCH-HCKT ngày 17/01/2026 của Bộ Chỉ huy Quân sự; đồng thời xét tính đặc thù xã An Khánh sau sáp nhập đơn vị hành chính thực hiện hoạt động chính quyền địa phương 2 cấp. Các chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật được đề xuất như sau:

*** Chỉ tiêu sử dụng đất**

- Đất xây dựng nhà ở: $\geq 25\text{m}^2/\text{người}$
- Đất công cộng dịch vụ: $\geq 5\text{m}^2/\text{người}$
- Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật: $\geq 5\text{m}^2/\text{người}$
- Đất cây xanh sử dụng công cộng: $\geq 4\text{m}^2/\text{người}$

*** Chỉ tiêu sử dụng đất hạ tầng xã hội**

- Trường mầm non: $\geq 12\text{m}^2/\text{chỗ}$, bán kính phục vụ tối đa 1-2km.
- Trường tiểu học, THCS: $\geq 12\text{m}^2/\text{chỗ}$, bán kính phục vụ tối đa 2-3km.
- Trạm y tế xã: 500-2.000 $\text{m}^2/\text{trạm}$.
- Nhà văn hóa: $\geq 1.000\text{m}^2/\text{công trình}$, bán kính phục vụ tối đa 5km.
- Cụm công trình thể thao: 5.000-10.000 m^2 , bán kính phục vụ tối đa 10km.
- Trung tâm hành chính số 1 cấp xã (1 trung tâm/xã): 500-1.500 $\text{m}^2/\text{trung tâm}$, bán kính phục vụ tối đa 5km.
- Chợ: 1.500 m^2 .
- Trung tâm thương mại: $\geq 1.000\text{m}^2$.
- Dịch vụ bưu chính, viễn thông: ≥ 1 điểm; $\geq 150\text{m}^2$.
- Trụ sở Ban chỉ huy quân sự cấp xã:
 - + Trụ sở có khuôn viên riêng, biên chế Tiểu đội dân quân thường trực: 1.000-1.200 m^2 .
 - + Trụ sở có khuôn viên riêng, biên chế Trung đội dân quân thường trực: 2.500-3.000 m^2 .
- Định mức sử dụng đất An ninh trên địa bàn:
 - + Đất an ninh: 2ha (theo quy định của Bộ Công an hiện hành diện tích đất quy hoạch tối thiểu trụ sở làm việc của công an phường, xã là 1ha).
 - + Trụ sở làm việc của lực lượng PCCC và cứu nạn cứu hộ tại các CCN từ 50ha trở lên thì bố trí đất tối thiểu 2ha (theo quy định của Bộ Công an).

*** Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật**

- Đường giao thông:
 - + Đường xã: Chiều rộng nền đường tối thiểu là 5,5m.
 - + Đường xóm làng: Chiều rộng nền đường tối thiểu là 4,0m.
- Cấp điện:
 - + Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt: ≥ 330 W/người.
 - + Chỉ tiêu công trình công cộng: $\geq 30\%$ nhu cầu điện sinh hoạt.
 - + Chiếu sáng đường phố: 1 W/m^2 .
- Cấp nước:
 - + Cấp nước đến hộ gia đình: 120 lít/người/ngđ.
 - + Cấp nước đến vị trí lấy nước công cộng: 10% cấp nước sinh hoạt.
 - + Cấp nước cho sản xuất tiểu thủ công nghiệp tại hộ gia đình $\geq 8\%$ lượng nước cấp cho sinh hoạt.
- Thoát nước thải và VSMT:
 - + Tối thiểu thu gom $\geq 80\%$ lượng nước thải phát sinh để xử lý.
 - + Khoảng cách ATMT của điểm tập kết chất thải rắn phải $\geq 20\text{m}$.
 - + Quy mô diện tích nghĩa trang tập trung phải đảm bảo chỉ tiêu tối thiểu 0,04ha/1.000 người.
- Thông tin liên lạc, viễn thông và công nghệ thông tin:
 - + Thuê bao cố định: ≥ 15 thuê bao/100 người.
 - + Số thuê bao băng rộng di động: ≥ 70 thuê bao/100 người.
 - + Thuê bao internet: ≥ 15 thuê bao/100 người.
 - + Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang: $\geq 60\%$.
 - + Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình $\geq 20\%$.

V. ĐỊNH HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN

1. Cấu trúc không gian tổng thể

1.1. Khu vực trung tâm – Trung tâm hành chính – chính trị, dịch vụ tổng hợp của xã

- Tính chất:

Là khu vực trung tâm của xã Phú Thịnh mới, giữ vai trò trung tâm hành chính – chính trị, dịch vụ công cộng và đầu mối kết nối không gian phát triển của toàn xã.

- Chức năng:

+ Trung tâm hành chính – chính trị cấp xã, tập trung các cơ quan quản lý nhà nước, công trình công cộng và không gian sinh hoạt cộng đồng phục vụ chung cho toàn xã.

+ Trung tâm dịch vụ công cộng, thương mại – dịch vụ, giáo dục, y tế cấp xã, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, học tập, chăm sóc sức khỏe và giao thương của người dân.

+ Khu dân cư tập trung hiện hữu và phát triển có kiểm soát, tạo không gian ở ổn định, từng bước nâng cao chất lượng sống cho người dân.

+ Đầu mối kết nối giao thông liên xã, liên vùng, đảm bảo khả năng tiếp cận thuận lợi giữa các khu vực trong xã và với khu vực lân cận.

- Nguyên tắc tổ chức không gian:

+ Phát triển không gian theo hướng tập trung, ưu tiên đầu tư hạ tầng trọng điểm, các khu dân cư mới, tái định cư, dẫn dân, cải tạo, chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu nhằm sử dụng đất tiết kiệm và hiệu quả.

+ Kiểm soát mật độ xây dựng, tăng cao công trình phù hợp với điều kiện địa hình miền núi, đảm bảo an toàn, cảnh quan và khả năng đầu tư hạ tầng.

+ Tổ chức không gian trung tâm gắn với trục Quốc lộ 37, đảm bảo khả năng tiếp cận thuận lợi cho người dân toàn xã.

+ Kết hợp hài hòa giữa phát triển xây dựng với bảo vệ cảnh quan tự nhiên, hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường sinh thái.

- Định hướng phát triển:

+ Tổ chức trung tâm hành chính xã Phú Thịnh mới có điều kiện hạ tầng thuận lợi, gắn với hệ thống công trình công cộng đồng bộ và quỹ đất không gian mở.

+ Phát triển các khu dân cư, dịch vụ đồng bộ, từng bước hiện đại, thích ứng với điều kiện địa hình, điều kiện tự nhiên.

+ Phát triển các hoạt động thương mại – dịch vụ thiết yếu phục vụ dân cư toàn xã và các khu vực lân cận, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương.

- Định hướng các khu chức năng chính:

+ Khu trung tâm hành chính – dịch vụ công cộng cấp xã, đóng vai trò hạt nhân không gian và biểu tượng của xã Phú Thịnh mới. Bố trí tập trung các công trình trụ sở UBND, Đảng ủy, HĐND, MTTQ và các đoàn thể, đảm bảo thuận lợi cho quản lý hành chính và phục vụ người dân toàn xã.

+ Khu công trình công cộng – dịch vụ xã hội: Bao gồm trường học, trạm y tế, nhà văn hóa, sân thể thao, quảng trường và các công trình phúc lợi xã hội, được tổ chức đồng bộ nhằm nâng cao chất lượng đời sống dân cư.

+ Khu dân cư hiện hữu cải tạo, chỉnh trang: Ưu tiên nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, cải thiện điều kiện ở, đảm bảo phù hợp với điều kiện địa hình và cảnh quan miền núi.

+ Khu dân cư phát triển mới: Phát triển tại các khu vực có địa hình thuận lợi, gắn với trục giao thông chính, kiểm soát chặt chẽ mật độ xây dựng và quy mô dân số.

+ Khu thương mại – dịch vụ - du lịch: Tổ chức các điểm thương mại, cửa hàng dịch vụ thiết yếu, phục vụ nhu cầu sinh hoạt, trao đổi hàng hóa của người dân trong xã và khu vực lân cận.

+ Khu hạ tầng kỹ thuật đầu mối: Bố trí các công trình cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải, cấp điện phù hợp quy mô xã mới, đảm bảo vận hành ổn định và bền vững.

1.2. Vùng phát triển nông, lâm nghiệp sinh thái gắn với du lịch

- Tính chất:

Là vùng phát triển nông – lâm nghiệp gắn với du lịch, dựa trên hệ sinh thái rừng, điều kiện khí hậu đặc thù và không gian truyền thống, đóng vai trò quan trọng trong phát triển sinh kế bền vững của xã.

- Chức năng:

+ Vùng sản xuất nông – lâm nghiệp sinh thái chủ lực của xã, tập trung phát triển vùng nông nghiệp xanh kết hợp nuôi trồng thủy sản, sản xuất lâm nghiệp theo hướng bền vững.

+ Khu vực bảo vệ, phát triển rừng gắn với duy trì hệ sinh thái tự nhiên, bảo vệ nguồn nước và phòng chống thiên tai cho toàn xã.

+ Không gian phát triển du lịch nông nghiệp xanh và văn hóa truyền thống.

+ Khu dân cư nông thôn, tạo không gian sinh sống ổn định, gắn với sinh kế nông – lâm nghiệp và hoạt động du lịch với quy mô phù hợp.

- Nguyên tắc tổ chức không gian:

+ Tổ chức không gian theo hướng bảo tồn sinh thái là chủ đạo, phát triển có kiểm soát, đảm bảo hài hòa giữa sản xuất nông – lâm nghiệp với bảo vệ rừng và cảnh quan tự nhiên.

+ Hạn chế chuyển đổi đất rừng, đất nông nghiệp sang các mục đích phi nông nghiệp; ưu tiên sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp điều kiện tự nhiên.

+ Phát triển hạ tầng kỹ thuật, giao thông phục vụ sản xuất và du lịch theo quy mô phù hợp, đảm bảo hài hòa với địa hình và cảnh quan tự nhiên.

- *Định hướng phát triển:*

+ Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp xanh kết hợp nuôi trồng thủy sản, sản xuất lâm nghiệp và bảo vệ rừng gắn với xây dựng thương hiệu sản phẩm địa phương.

+ Phát triển du lịch sinh thái khu vực Cầu Đá, giáp xã La Bằng.

+ Từng bước đầu tư, nâng cấp hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và du lịch theo lộ trình, tránh đầu tư dàn trải gây áp lực lên môi trường sinh thái.

1.3. Vùng thăm dò, khai thác khoáng sản và phát triển công nghiệp

- *Tính chất:*

Là vùng khai thác khoáng sản theo quy hoạch được phê duyệt, gắn với các giải pháp bảo vệ môi trường và phát triển sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp.

- *Chức năng:*

+ Khai thác khoáng sản theo quy hoạch được duyệt, gắn với kiểm soát môi trường và phục hồi sau khai thác (than, titan, đất san lấp).

+ Phát triển các khu sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tạo việc làm cho lao động địa phương.

- *Nguyên tắc tổ chức không gian:*

Tổ chức hạ tầng giao thông, kỹ thuật và các khu khai thác, cụm công nghiệp đảm bảo thân thiện môi trường, không làm xung đột với không gian sản xuất và sinh hoạt cộng đồng.

- *Định hướng phát triển:*

+ Khu khai thác khoáng sản: Là khu vực tập trung các điểm khai thác khoáng sản theo quy hoạch. Các hoạt động khai thác được quản lý chặt chẽ, bảo đảm khoảng cách an toàn với khu dân cư và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường.

+ Hình thành và phát triển các khu sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp.

1.4. Các khu vực khu dân cư kết hợp thương mại dịch vụ

- Không gian khu dân cư được tổ chức theo hướng phát triển có kiểm soát, ưu tiên mở rộng, chỉnh trang các điểm dân cư hiện hữu, kết hợp hình thành các điểm đất ở mới nhằm đáp ứng nhu cầu giãn dân, tái định cư và ổn định dân cư sau sáp nhập. Giai đoạn đến năm 2045, quy hoạch 5 khu đất ở mới với tổng diện tích khoảng 203 ha và 2 khu tái định cư các dự án trên địa bàn xã với tổng diện tích khoảng 65 ha, phân bố tại các xóm trên địa bàn xã.

- Các khu dân cư mới được bố trí tại những khu vực có điều kiện địa hình thuận lợi, gần với các trục giao thông chính và trung tâm bản, kiểm soát chặt chẽ mật độ xây dựng, quy mô dân số và kiến trúc, đảm bảo hài hòa với cảnh quan miền núi và bản sắc văn hóa địa phương.

Định hướng các khu dân cư mới trên địa bàn xã Phú Thịnh

Stt	Dự án khu dân cư	Địa điểm	Diện tích
1	Khu dân cư trung tâm xã	Xóm Khâu Giang, xóm Ba Giăng, xóm Phố	72
2	Khu dân cư Bản Ngoại	Xóm Ba Giăng, xóm Lê Lợi	61
3	Khu dân cư Phú Cường	Xóm Bán Luông, khu vực trung tâm xã Phú Cường cũ	70
4	Khu tái định cư các dự án trên địa bàn xã	Cầu treo xóm Đèo, xứ đồng Đầu Cầu, đồng Cây Khế, đồng Ông Hịu	50
5	Khu tái định cư	Đồng Rộc Rì, đồng Đá	15
	TỔNG		268

1.5. Khu sản xuất nông – lâm nghiệp

- Không gian sản xuất nông nghiệp xã Phú Thịnh được tổ chức theo hướng hình thành các vùng sản xuất tập trung gắn với điều kiện địa hình, thổ nhưỡng, nguồn nước và hệ thống giao thông hiện có, bảo đảm khai thác hiệu quả tiềm năng đất đai, nâng cao giá trị sản xuất và phát triển nông nghiệp bền vững.

- Định hướng duy trì và mở rộng vùng sản xuất lúa nước tại các khu vực chân ruộng có nguồn nước ổn định nhằm bảo đảm an ninh lương thực tại chỗ, đồng thời từng bước cải tạo đồng ruộng, ứng dụng giống mới và kỹ thuật canh tác tiên tiến để nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất.

- Khu vực phát triển nông nghiệp công nghệ cao, chăn nuôi được định hướng bố trí tập trung, phù hợp với điều kiện quỹ đất và khoảng cách an toàn môi trường; chăn nuôi với quy mô phù hợp gắn với vùng nguyên liệu thức ăn và xử lý chất thải, hạn chế ảnh hưởng đến khu dân cư và môi trường sinh thái.

- Định hướng phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với hệ thống giao thông, thủy lợi và các điểm dân cư nhằm thuận lợi trong tổ chức sản xuất, vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm. Đồng thời từng bước hình thành các điểm thu gom, sơ chế, bảo quản nông sản tại khu vực trung tâm xã và dọc các tuyến giao thông chính; khuyến khích liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị giữa người dân, hợp tác xã và doanh nghiệp nhằm nâng cao giá trị sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ và phát triển các sản phẩm OCOP đặc trưng của địa phương.

- Không gian nông – lâm nghiệp sinh thái gắn với sản xuất chè và nâng cao

chất lượng sản phẩm trà. Sản xuất gắn liền với tham quan, trải nghiệm các vùng trồng chè có cảnh quan đẹp, thuận lợi kết nối.

- Các vùng sản xuất nông nghiệp được tổ chức theo mô hình sinh thái, bền vững, gắn với bảo vệ rừng, góp phần nâng cao giá trị gia tăng và thu nhập cho người dân địa phương.

Định hướng khu vực phát triển sản xuất nông lâm nghiệp

Stt	Dự án phát triển nông lâm nghiệp	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Quy hoạch khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao	Đồi Cao Khản	33
2	Quy hoạch khu sản xuất nông nghiệp khác	Xóm Phú Thịnh 1	45
	TỔNG		78

1.6. Cụm công nghiệp, khai thác khoáng sản

- Xã Phú Thịnh được định hướng khai thác khoáng sản theo quy hoạch cấp tỉnh, coi đây là một trong những động lực phát triển kinh tế quan trọng. Giai đoạn đến năm 2045, quy hoạch khu vực thăm dò và khai thác khoáng sản với diện tích khoảng 767,37 ha trên địa bàn xã Phú Thịnh.

- Cập nhật định hướng quy hoạch khoáng sản theo Điều chỉnh quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trên địa bàn xã Phú Thịnh có các khu vực khai thác khoáng sản gồm:

+ Mở rộng khu vực thăm dò, khai thác than Núi Hồng với diện tích 224,42ha.

+ Quy hoạch khu vực thăm dò, khai thác và chế biến Titan với diện tích 487,85 ha.

+ Quy hoạch mỏ đất san lấp xóm Đồng Ninh với tổng diện tích 44,2 ha.

+ Quy hoạch khu vực khai thác cát tại xóm Đồng Ninh với diện tích 10,9ha.

+ Các khu vực khai thác khoáng sản còn lại trên địa bàn tiếp tục thực hiện (Mỏ than Yên Phước, mỏ than Anh Thắng, HTX Chiến Công).

- Hoạt động khai thác khoáng sản được kiểm soát chặt chẽ về môi trường, an toàn và khoảng cách ly với khu dân cư; gắn với các biện pháp phục hồi môi trường sau khai thác và không làm ảnh hưởng đến các khu vực rừng, nguồn nước và du lịch.

- Định hướng đến năm 2045, xã Phú Thịnh quy hoạch các khu vực đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp phục vụ phát triển kinh tế xã hội và tạo việc làm cho lao động trên địa bàn xã:

+ Quy hoạch đất sản xuất kinh doanh tại vị trí giáp chùa Phú Cường, giáp ĐT.264 với diện tích 8,5 ha.

+ Quy hoạch đất sản xuất kinh doanh tại vị trí xóm Khâu Giáo 2, đồng Cây Thông với diện tích 10 ha.

+ Quy hoạch đất sản xuất kinh doanh tại vị trí xóm La Dạ với diện tích 4,5ha.

- Đối với các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp nông thôn: Khuyến khích duy trì và phát triển các ngành nghề truyền thống. Đồng thời phát triển các ngành nghề phục vụ đời sống và sản xuất như xay xát, chế biến thực phẩm, cơ khí nhỏ, sửa chữa nông cụ.

- Đối với công nghiệp phục vụ sản xuất nông nghiệp: Phát triển các cơ sở sản xuất, cung ứng vật tư nông nghiệp, chế biến thức ăn chăn nuôi quy mô nhỏ, dịch vụ bảo quản, đóng gói nông sản; từng bước hình thành chuỗi dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp hàng hóa trên địa bàn.

1.7. Khu vực thương mại dịch vụ

- Không gian thương mại, dịch vụ của xã được tổ chức theo mô hình tập trung kết hợp phân tán, trong đó Khu trung tâm xã là hạt nhân phát triển chính, các điểm dịch vụ vệ tinh phân bố dọc trục đường QL.37, ĐT.264 và tại các cụm dân cư, các điểm dịch vụ gắn với vùng sản xuất.

- Phát triển khu trung tâm thương mại - dịch vụ tại trung tâm xã theo hướng đồng bộ, hiện đại nhưng phù hợp với điều kiện miền núi; trong đó ưu tiên đầu tư, nâng cấp chợ, các cửa hàng tổng hợp, điểm giao dịch dịch vụ và không gian sinh hoạt cộng đồng.

- Hình thành các điểm dịch vụ thương mại dọc trục giao thông chính, gắn với vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa nhằm hỗ trợ cung ứng vật tư, thu mua, sơ chế và tiêu thụ sản phẩm; từng bước hình thành mạng lưới dịch vụ phục vụ sản xuất theo chuỗi giá trị.

- Tại các khu vực có tiềm năng du lịch, khuyến khích phát triển các loại hình dịch vụ như: homestay, dịch vụ ăn uống, hướng dẫn du lịch, trải nghiệm văn hóa và sản xuất nông nghiệp gắn với bảo tồn bản sắc văn hóa, cảnh quan thiên nhiên.

- Quá trình phát triển thương mại, dịch vụ bảo đảm không gây áp lực lên hạ tầng kỹ thuật và môi trường; ưu tiên bố trí tại các khu vực có điều kiện giao thông thuận lợi, hạn chế phát triển tự phát, phân tán gây khó khăn cho quản lý.

- Quy hoạch khu thương mại dịch vụ với diện tích 6 ha tại khu vực xóm Vai Cày, giáp QL.37.

- Quy hoạch khu du lịch sinh thái với diện tích 22 ha tại khu vực đồng Cầu Đá, giáp xã La Bằng.

- Định hướng đến năm 2045, khu vực thương mại, dịch vụ xã Phú Thịnh phát triển theo hướng đa dạng, linh hoạt, gắn với sản xuất nông - lâm nghiệp, du lịch sinh thái và kinh tế bản địa; góp phần thúc đẩy lưu thông hàng hóa, nâng cao

giá trị sản phẩm và cải thiện đời sống Nhân dân trên địa bàn.

1.8. Khu an ninh - quốc phòng

Đất an ninh – quốc phòng được bố trí bao gồm trụ sở công an xã, trụ sở BCH quân sự và các khu đất an ninh, quốc phòng khác, đảm bảo yêu cầu quốc phòng – an ninh trong tình hình mới. Các khu vực này được giữ ổn định về quy mô, hạn chế xây dựng không phù hợp và được tổ chức hài hòa với không gian phát triển chung của xã.

- Quy hoạch trụ sở công an xã với diện tích 2,13 ha tại xóm Vai Cày giáp QL.37.

- Quy hoạch trụ sở BCH quân sự xã với diện tích 2 ha tại xóm Đồng Ngõ giáp đường liên xã đi La Bằng.

- Quy hoạch thao trường huấn luyện xã với diện tích 5,5 ha tại xóm Thanh Mỹ Giáp đường liên xã đi Đức Lương.

1.9. Trung tâm xã Phú Thịnh, dịch vụ công cộng khác

- Trung tâm xã được xác định là hạt nhân phát triển, đóng vai trò là trung tâm hành chính - chính trị, kinh tế, văn hóa và dịch vụ công cộng của toàn xã. Trung tâm được bố trí tại khu vực trung tâm xã Bản Ngoại cũ, giáp trục đường QL.37, có điều kiện thuận lợi về kết nối giao thông và phát triển không gian.

- Định hướng quy hoạch khu vực trung tâm xã

Stt	Định hướng quy hoạch	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Trụ sở Đảng ủy – HĐND – UBND xã	Xóm Khâu Giang, giáp QL.37	2,4
2	Trụ sở công an xã	Xóm Vai Cày, giáp QL.37	2,13
3	Trạm y tế xã	Xóm Phú Hạ	3,2
4	Trung tâm văn hóa – thể thao xã	Xóm Phú Hạ, giáp QL.37	5,8

- Không gian trung tâm được tổ chức đồng bộ, bao gồm các công trình hành chính (Đảng ủy – HĐND - UBND – UBMTTQ xã); trụ sở công an xã; trụ sở BCH quân sự xã; các công trình công cộng như trường học, trạm y tế, nhà văn hóa, công trình thương mại - dịch vụ, thể dục thể thao và hệ thống cây xanh, không gian mở phục vụ cộng đồng. Các công trình được bố trí hợp lý, đảm bảo bán kính phục vụ, thuận tiện tiếp cận từ các khu dân cư.

- Trong giai đoạn phát triển, trung tâm xã được đầu tư xây dựng theo hướng hiện đại, đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội nhằm nâng cao khả năng liên kết vùng và thúc đẩy phát triển kinh tế.

- Khu trung tâm xã Phú Thịnh được bố trí với cấu trúc tổng thể hình thành các khu chức năng chính gồm khu hành chính - chính trị, khu văn hoá - giáo dục - y tế, khu thương mại dịch vụ, khu dân cư, khu cây xanh, thể dục thể thao và hạ tầng kỹ thuật.

- Khu hành chính - chính trị được bố trí tại vị trí trung tâm, thuận lợi về giao thông và khả năng tiếp cận, bao gồm trụ sở UBND xã, công an xã, các cơ quan chức năng. Không gian được tổ chức gắn với quảng trường trung tâm, tạo điểm nhấn kiến trúc và là nơi tổ chức các hoạt động chính trị, văn hóa của địa phương.

- Khu văn hóa - giáo dục - y tế được bố trí xung quanh khu hành chính, bao gồm trường học, trạm y tế, nhà văn hóa. Các công trình được tổ chức thành cụm, thuận tiện cho người dân tiếp cận trong bán kính phục vụ hợp lý theo quy chuẩn; đồng thời tạo thành không gian sinh hoạt cộng đồng tập trung.

- Khu thương mại dịch vụ được phân bố dọc theo trục giao thông chính bao gồm chợ, cửa hàng tổng hợp, dịch vụ dân sinh. Đây là khu vực có tính động cao, đóng vai trò trung chuyển hàng hóa, tiêu thụ nông sản và cung ứng dịch vụ cho toàn xã.

- Khu dân cư được bố trí xen kẽ xung quanh các khu chức năng trung tâm và dọc các tuyến giao thông. Định hướng phát triển khu dân cư theo mô hình hiện đại, phù hợp điều kiện; ưu tiên chỉnh trang khu dân cư hiện hữu, kết hợp mở rộng có kiểm soát. Nhà ở được khuyến khích xây dựng theo hướng phù hợp khí hậu, giữ gìn bản sắc kiến trúc địa phương.

- Hệ thống cây xanh được bố trí xen kẽ trong toàn khu ở khu vực trung tâm nhằm cải thiện vi khí hậu, thoát nước và tạo cảnh quan. Các không gian thể thao, sân vận động được bố trí vừa bảo đảm quỹ đất vừa giảm áp lực lên khu lõi.

- Khu hạ tầng kỹ thuật bao gồm bãi đỗ xe, khu xử lý kỹ thuật, các công trình đầu mối được bố trí tại vị trí phù hợp, tách biệt tương đối với khu ở, bảo đảm vệ sinh môi trường và an toàn.

- Khu trung tâm xã được xác định là hạt nhân phát triển không gian của toàn xã An Khánh mới, giữ vai trò trung tâm hành chính – chính trị, văn hóa – xã hội và dịch vụ công cộng. Trong giai đoạn 2025–2030, quy hoạch công trình trung tâm hành chính – chính trị xã với tổng diện tích khoảng 2,4 ha.

- Các công trình giáo dục, văn hóa – sinh hoạt cộng đồng, cây xanh và thể dục thể thao được bố trí đồng bộ, tạo không gian sinh hoạt chung, nâng cao điều kiện tiếp cận dịch vụ công và chất lượng sống của người dân toàn xã.

2. Định hướng kiến trúc cảnh quan

- Định hướng kiến trúc – cảnh quan xã Phú Thịnh hướng tới hình thành không gian sống hài hòa với địa hình, gắn với sản xuất khai thác khoáng sản; cụm công nghiệp; sản xuất nông nghiệp xanh; bảo tồn bản sắc văn hóa địa phương, sử dụng đất tiết kiệm, an toàn và bền vững.

- Khu dân cư hiện trạng: Giữ gìn cấu trúc bản làng truyền thống; khuyến khích cải tạo, chỉnh trang nhà ở theo hướng bền vững, an toàn, hài hòa với địa hình và cảnh quan tự nhiên.

- Khu dân cư mới: Phát triển quy mô vừa và nhỏ, mật độ xây dựng khoảng

30–50%, tầng cao 1–3 tầng; kiến trúc bản địa, thân thiện môi trường, bám địa hình, tăng cường cây xanh và không gian mở.

- Khu công trình công cộng: Mật độ xây dựng 20–50%, tầng cao 1–3 tầng; kiến trúc có điểm nhấn, phù hợp vai trò trung tâm hành chính – văn hóa, gắn với quảng trường và cây xanh.

- Khu công trình thương mại dịch vụ, chức năng khác: Mật độ xây dựng 20–50%, tầng cao 1–5 tầng; kiến trúc có điểm nhấn.

- Khu cây xanh, không gian mở: Mật độ xây dựng thấp ($\leq 5\%$), chủ yếu công trình phụ trợ 1 tầng; ưu tiên bảo vệ rừng, hành lang suối, tạo không gian sinh hoạt cộng đồng và điều hòa vi khí hậu.

- Khu khai thác khoáng sản, công nghiệp, TTCN: Mật độ xây dựng 40–60%, tầng cao 1–3 tầng; bố trí gọn gàng, đảm bảo khoảng cách ly an toàn với khu dân cư và cảnh quan.

- Khu dịch vụ: Mật độ xây dựng 10–25%, tầng cao 1–5 tầng; kiến trúc hài hòa cảnh quan núi rừng, ưu tiên không gian mở, phục vụ thương mại và du lịch.

VI. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT XÃ

1. Quy hoạch hệ thống giao thông:

1.1. Giao thông đối ngoại:

- Đường cao tốc Thái Nguyên- Tuyên Quang: Điểm đầu tại nút giao với đường cao tốc CT.07 tại lý trình km78+00 tỉnh Thái Nguyên; điểm cuối tại nút giao với đường cao tốc CT.15 tại lý trình km0+00 tỉnh Tuyên Quang.

- Đường Quốc lộ 37: là tuyến giao thông huyết mạch quan trọng trong mạng lưới đường bộ của tỉnh Thái Nguyên, đồng thời đóng vai trò là tuyến vành đai 3 quốc gia, chạy qua nhiều tỉnh, thành như Hưng Yên, Hải Phòng, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lào Cai và Sơn La. Đường đạt cấp III, số làn xe tối thiểu 2-4 làn.

- Đường tỉnh 261B: được quy hoạch mới với cấp đường II với điểm đầu phường Vạn Xuân; điểm cuối xã Định Hóa.

- Đường tỉnh 263: Tiến hành nâng cấp cải tạo toàn tuyến đạt đường cấp III-MN. Điểm đầu xã Phú Lương; điểm cuối xã Phú Thịnh.

- Đường tỉnh 264: Tiến hành nâng cấp cải tạo toàn tuyến đạt đường cấp III-MN. Điểm đầu xã Phú Thịnh; điểm cuối xã Trung Hội.

- Đường tỉnh 270E (đường nối đường ĐT.270C - QL.37 - ĐT.264 - ĐT.263): Tuyến đường quy hoạch mới đạt cấp IV- MN, điểm đầu xã Phú Xuyên, điểm cuối xã Đức Lương.

- Đường liên xã Phú Thịnh- Tiên Hội (ĐLX.73C): đường quy hoạch mới đạt cấp IV-MN, điểm đầu xã Phú Thịnh, điểm cuối xã La Bằng.

- Đường liên xã Phú Thịnh- La Bằng (ĐLX.74): Đường quy hoạch kết hợp một số đoạn hiện trạng nâng cấp cải tạo. Đường đạt cấp IV, điểm đầu xã Phú Thịnh, điểm cuối xã La Bằng. Số làn xe tối thiểu 2 làn.

- Đường liên xã Phú Thịnh- La Bằng (ĐLX.74A): Đường hiện trạng nâng cấp kết hợp một số đoạn quy hoạch mới. Đường đạt cấp IV-MN, điểm đầu xã Phú Thịnh, điểm cuối xã La Bằng. Số làn xe tối thiểu 2 làn.

- Đường liên xã Phú Thịnh- Phú Xuyên (ĐLX.75): Đường quy hoạch kết hợp một số đoạn hiện trạng nâng cấp cải tạo. đường đạt cấp IV-MN, điểm đầu xã Phú Thịnh, điểm cuối xã Phú Xuyên. Số làn xe tối thiểu 2 làn.

- Đường liên xã Bản Ngoại- Phú Xuyên: Đường quy hoạch mới đạt cấp IV-MN, điểm đầu xã Phú Thịnh, điểm cuối xã Phú Xuyên. Số làn xe tối thiểu 2 làn.

- Đường liên xã Na Mao- Phú Thịnh (ĐLX.75B): đường quy hoạch mới đạt cấp IV-MN, điểm đầu xã Phú Xuyên; điểm cuối xã Phú Thịnh. Số làn xe tối thiểu 2 làn.

- Đường liên xã Phú Thịnh- Đức Lương (ĐLX.76): Tiến hành nâng cấp cải tạo toàn tuyến đạt cấp IV-MN, điểm đầu xã Phú Thịnh, điểm cuối xã Đức Lương.

Số làn xe tối thiểu 2 làn.

- Đường liên xã Phú Cường- Đức Lương (ĐLX.76A): Tiến hành nâng cấp cải tạo đạt cấp IV-MN, điểm đầu xã Phú Thịnh, điểm cuối xã Đức Lương. Số làn xe tối thiểu 2 làn.

- Đường liên xã Bản Ngoại- Phúc Lâm (ĐLX.77): Đường quy hoạch mới kết hợp một số đoạn hiện trạng nâng cấp cải tạo. Đường đạt cấp IV-MN, điểm đầu xã Phú Thịnh, điểm cuối xã Phú Thịnh. Số làn xe tối thiểu 2 làn.

- Đường liên xã Phú Lạc- La Bằng (ĐLX.78): đường quy hoạch mới đạt cấp IV-MN. Điểm đầu xã Phú Lạc, điểm cuối xã La bằng. Số làn xe tối thiểu 2 làn.

- Đường liên xã Phú Lạc- Tân Linh (ĐLX.78A): đường quy hoạch mới đạt cấp IV- MN. Điểm đầu xã Phú Lạc, điểm cuối xã Phú Lạc. Số làn xe tối thiểu 2 làn.

- Đường sắt Quán Triều- Núi Hồng: là tuyến đường sắt chuyên dùng phục vụ vận chuyển khoáng sản, chủ yếu là than, thuộc phạm vi quản lý và khai thác của Công ty Than Núi Hồng. Tuyến có khổ đường 1,0 m, hành lang an toàn đường sắt mỗi bên rộng 8,5 m, đóng vai trò quan trọng trong hoạt động vận chuyển nguyên liệu và phát triển công nghiệp của khu vực.

1.2. Giao thông đối nội

Hệ thống các tuyến đường giao thông xã và thôn, bản trong khu vực quy hoạch được thiết kế, cải tạo và nâng cấp bảo đảm tuân thủ Tiêu chuẩn TCVN 10380:2014 – Đường giao thông nông thôn, yêu cầu thiết kế, phù hợp với điều kiện địa hình và nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội của địa phương.

- Đường xã: Các tuyến đường xã có chức năng kết nối trung tâm xã với các thôn, bản và các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn, đồng thời phục vụ lưu thông hàng hóa và đi lại của người dân. Bề rộng nền đường các tuyến đường xã tối thiểu 6,5m đạt chuẩn đường cấp A trong đó:

+ Lòng đường rộng: 3,5m.

+ Lề đường rộng: 2x1,5m.

- Đường thôn, bản: bề rộng nền đường tối thiểu 5,5m đạt chuẩn đường cấp B và C, trong đó:

+ Lòng đường rộng: 3,5m

+ Lề đường rộng: 2x0,75m

- Trong giai đoạn quy hoạch, các tuyến giao thông dân sinh hiện hữu sẽ được nâng cấp, mở rộng trên cơ sở mạng lưới giao thông hiện có, bảo đảm các chỉ tiêu kỹ thuật theo tiêu chí quy hoạch xây dựng nông thôn mới, đáp ứng yêu cầu đi lại an toàn, thuận tiện và phục vụ phát triển sản xuất của người dân.

2. Chuẩn bị kỹ thuật

2.1. Cao độ nền

- Đối với các khu vực dân cư hiện hữu: giữ nguyên cao độ nền hiện trạng. Khi triển khai xây dựng công trình, việc san gạt nền phải được thực hiện phù hợp với cao độ tự nhiên của từng khu vực, không làm ảnh hưởng đến khả năng thoát nước chung. Cao độ nền không chế tối thiểu của khu vực xây dựng công trình phải cao hơn mực nước ngập tính toán tối thiểu 0,3 m đối với đất dân dụng và 0,5 m đối với đất công nghiệp, nhằm đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng. Các khu dân cư cũ có nền thấp, dần dần cải tạo tôn nền các khu dân cư hiện có, các khu vực dân cư, công trình xây dựng mới thiết kế đảm bảo cao độ thấp nhất lớn hơn cao độ ngập lụt của các tuyến sông suối lân cận.

- Đối với các khu vực xây dựng mới: công tác san nền được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp với địa hình tự nhiên, đảm bảo cao trình san nền của từng hạng mục đồng bộ với hệ thống giao thông và hệ thống thoát nước trong khu vực.

- Đối với khu vực có độ dốc lớn: Khi xây dựng chỉ cần san gạt cục bộ tạo mặt phẳng cho công trình, phù hợp với cao độ tự nhiên xung quanh và cao độ các tuyến đường quy hoạch, đảm bảo hướng dốc về phía trục tiêu chính (sông suối hiện có cải tạo và các tuyến cống thoát nước mặt).

- Đối với khu vực nằm trong hành lang thoát lũ thì phải đảm bảo duy trì cao độ nền hiện trạng, đảm bảo các quy định về phòng chống lũ của Luật Đê điều và các Nghị định, Thông tư liên quan.

- Độ dốc nền tối thiểu được không chế $\geq 0,4\%$, nhằm đảm bảo khả năng thoát nước tự chảy, hạn chế tình trạng ứ đọng nước mưa và nước mặt.

- Trong quá trình tổ chức san nền, ưu tiên tận dụng địa hình tự nhiên, hạn chế tối đa khối lượng đào đắp, san lấp; đồng thời bảo vệ hệ thống cây lâu năm và lớp đất màu, góp phần giữ gìn cảnh quan và đảm bảo phát triển bền vững.

2.2. Thoát nước mưa

- Trên cơ sở quy hoạch cao độ xây dựng, hệ thống thoát nước mưa được thiết kế nhằm đảm bảo khả năng thoát nước hiệu quả và đồng bộ, bao gồm các tuyến mương có nắp đan bằng bê tông cốt thép, với kích thước tiết diện từ B600 đến B1000, phù hợp với lưu lượng thoát nước theo từng khu vực.

- Về kết cấu, lựa chọn giải pháp rãnh xây và mương xây có nắp đan, đảm bảo độ bền, an toàn trong khai thác và thuận tiện cho công tác quản lý, bảo trì.

- Mạng lưới cống, rãnh được bố trí dọc theo các tuyến đường thôn, bản, các trục đường liên thôn, liên xã, có chức năng thu gom nước mưa và nước thải sinh hoạt từ các cụm dân cư, dẫn về các điểm xả theo quy hoạch, đảm bảo thoát nước nhanh và hạn chế ngập úng.

- Hướng thoát: trực tiếp ra các vùng tụ thủy, sông suối chảy qua trên từng lưu vực thoát nước.

- Ngoài ra, thực hiện nạo vét, khơi thông dòng chảy của hệ thống mương tưới tiêu hiện có, nhằm tăng khả năng thoát lũ, không gây ngập úng cục bộ, đặc biệt tại các khu vực đường ngõ xóm và khu dân cư trên địa bàn xã.

- Nâng cấp, cải tạo, nắn dòng các tuyến thoát nước chính như sông Công, suối,... mở rộng lòng, nạo vét đáy đảm bảo chiều cao thoát nước, kè cứng bờ qua các đoạn đô thị và nắn dòng một số đoạn để cải tạo khả năng thoát nước.

- Duy trì tối đa và cải tạo các hồ, đầm hiện trạng. Nghiên cứu xây dựng bổ sung một số hồ tại hạ lưu tại các quy hoạch sau này để điều hòa và giảm tải cho hệ thống sông, ngòi, mương thoát nước chính. Các hồ trên được kết hợp với các đập, phai điều tiết để duy trì nước phục vụ nông nghiệp trong mùa khô và phục vụ cảnh quan.

3. Hệ thống cấp nước

3.1. Chỉ tiêu cấp nước

- Cấp nước sinh hoạt: $\geq 120 \text{ m}^3/\text{ngđ}$.
- Cấp nước công cộng: $\geq 10\%Q_{sh}$.
- Cấp nước sản xuất tiêu thụ công nghiệp: $\geq 8\%Q_{sh}$.
- Cấp nước rò rỉ dự phòng: $\geq 15\%Q_{sh}$.

3.2. Giải pháp cấp nước

- Nguồn nước: Nguồn cấp nước sinh hoạt cho xã được lấy chủ yếu từ Nhà máy nước Đại Từ, khai thác nguồn nước mặt từ sông Công. Công suất cấp nước của nhà máy dự kiến đạt khoảng $10.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ vào năm 2030 và khoảng $20.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ vào năm 2050, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt và phát triển kinh tế - xã hội của khu vực. Ngoài nguồn cấp tập trung từ nhà máy nước, người dân trên địa bàn xã hiện còn khai thác và sử dụng nguồn nước ngầm, nước suối và nước mặt tự nhiên phục vụ sinh hoạt. Tại các khu vực có điều kiện nguồn nước thuận lợi, quy hoạch xây dựng các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung, kết hợp tận dụng địa hình tự nhiên để tổ chức hệ thống cấp nước tự chảy, bảo đảm cung cấp nước đến từng hộ dân, góp phần nâng cao hiệu quả cấp nước và tiết kiệm chi phí vận hành

- Định hướng tiếp tục duy trì, cải tạo và nâng cấp các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn hiện có, đồng thời đầu tư xây dựng mới các công trình cấp nước tập trung trên địa bàn xã. Tổng công suất cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung dự kiến đạt khoảng $390 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ vào năm 2030 và khoảng $2.528 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ vào năm 2050, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của người dân theo từng giai đoạn phát triển.

- Mạng lưới cấp nước:

+ Thiết kế mạng cấp nước phân phối là mạng vòng kết hợp cụt, với các ống chính D110. Các ống dịch vụ có đường kính từ D63 đấu nối với đường ống phân phối đến các khu dân cư và từng bản.

+ Sử dụng ống HDPE với đường kính ống D63-D110. Độ sâu đặt ống tối thiểu 0,7 m.

+ Để đảm bảo an toàn cho các tuyến ống, thuận lợi cho bảo dưỡng sửa chữa các tuyến ống được quy hoạch dọc theo các tuyến giao thông.

3.3. Phòng cháy chữa cháy

- Trụ sở đơn vị Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH) tại trung tâm xã bảo đảm bán kính phục vụ theo quy định; vị trí, quy mô cụ thể sẽ được xác định trong giai đoạn lập quy hoạch chi tiết. Hệ thống giao thông phục vụ chữa cháy phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo QCVN 06:2022/BXD, trong đó chiều rộng thông thủy mặt đường cho xe chữa cháy không nhỏ hơn 3,5m; đối với các tuyến đường hẹp chỉ đủ một làn xe, cứ tối đa 100 m phải bố trí đoạn mở rộng có chiều rộng tối thiểu 7 m và chiều dài 8 m. Chiều cao thông thủy cho phương tiện chữa cháy không nhỏ hơn 4,5 m; trường hợp đường hoặc bãi đỗ xe chữa cháy dạng cụt có chiều dài lớn hơn 46m phải bố trí bãi quay xe theo quy định. Mặt đường phải bảo đảm khả năng chịu tải phù hợp với chủng loại phương tiện chữa cháy của lực lượng PCCC và CNCH.

- Hệ thống thông tin liên lạc phục vụ công tác PCCC và CNCH được phát triển đồng bộ, bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ và tích hợp với hệ thống chỉ huy ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn từ trung ương đến địa phương, cơ sở dữ liệu nghiệp vụ của ngành Công an và các bộ, ngành liên quan; đáp ứng yêu cầu chuyên đòi hỏi và cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực PCCC. Lưu lượng nước chữa cháy và số lượng đám cháy đồng thời được xác định phù hợp với quy mô đô thị theo quy định tại QCVN 06:2022/BXD và các tiêu chuẩn PCCC hiện hành.

- Nguồn nước chữa cháy được bảo đảm từ hệ thống cấp nước tập trung kết hợp khai thác các nguồn nước mặt hiện có như sông, hồ, ao; tại các vị trí lấy nước phải có đường cho xe chữa cháy tiếp cận, chiều sâu mặt nước so với mặt đất không quá 4 m và chiều dày lớp nước không nhỏ hơn 0,5 m. Trên mạng lưới cấp nước phân phối, dọc theo các tuyến đường giao thông phải bố trí họng lấy nước chữa cháy (trụ nổi hoặc họng ngầm) với khoảng cách từ 120 m đến 150 m; khoảng cách tối thiểu từ họng đến tường nhà là 5 m và khoảng cách tối đa từ họng đến mép đường không quá 2,5 m, bảo đảm thuận tiện cho công tác tiếp cận và vận hành thiết bị chữa cháy.

- Mạng đường ống cấp nước chữa cháy ngoài nhà được tổ chức theo dạng mạch vòng; cho phép sử dụng đường ống cụt để cấp nước chữa cháy hoặc sinh hoạt kết hợp chữa cháy khi chiều dài đường ống không vượt quá 200 m. Áp lực tự do tại điểm bất lợi nhất của mạng lưới cấp nước chữa cháy áp lực thấp không nhỏ hơn 10 m tính từ mặt đất; chiều dài ống vòi rồng dẫn nước chữa cháy không vượt quá 150 m. Đường kính ống cấp nước chữa cháy ngoài nhà không nhỏ hơn 100 mm và tuân thủ các quy định hiện hành về PCCC.

- Tại các khu dân cư có đường giao thông hẹp, chưa thể lắp đặt họng hoặc trụ nước chữa cháy, hoặc chưa có hệ thống cấp nước tập trung, cần bố trí các bể nước chữa cháy dự phòng theo hướng dẫn của cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH. Đối với các công trình nằm trong khu vực chưa có hoặc có nhưng chưa

đáp ứng yêu cầu về hạ tầng cấp nước chữa cháy ngoài nhà, việc thực hiện phải tuân theo hướng dẫn của cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH có thẩm quyền. Các thông số kỹ thuật về đường kính, kích thước ống cấp nước mang tính định hướng và có thể được điều chỉnh ở các giai đoạn triển khai tiếp theo cho phù hợp với điều kiện thực tế và yêu cầu phát triển.

4. Hệ thống cung cấp năng lượng và chiếu sáng

4.1. Chỉ tiêu cấp điện

Chỉ tiêu cấp điện được lấy theo tiêu chuẩn QCVN 01:2021/ BXD của Bộ Xây dựng bao gồm:

- Nhu cầu điện phục vụ sinh hoạt điểm dân cư nông thôn cần đảm bảo đạt tối thiểu là 300-500 W/người đến năm 2045;

- Nhu cầu điện cho công trình công cộng phải đảm bảo $> 30\%$ nhu cầu điện sinh hoạt;

- Nhu cầu điện phục vụ sản xuất phải tính toán dựa trên các yêu cầu cụ thể của từng cơ sở sản xuất.

- Chiếu sáng công cộng: tỷ lệ đường khu vực trung tâm xã được chiếu sáng $\geq 50\%$.

4.2. Giải pháp cấp điện

- Nguồn cấp điện cho xã hiện nay được lấy từ hệ thống điện quốc gia thông qua các trạm biến áp 110/35/22kV E6.19 Đại Từ với tổng công suất 2x40MVA, cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng điện phục vụ sinh hoạt, sản xuất và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Theo định hướng Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050, dự kiến đầu tư xây dựng mới trạm biến áp 110/35/22kV Đại Từ 2 với công suất 2x40MVA nhằm nâng cao năng lực cấp điện, bảo đảm ổn định nguồn điện cho khu vực trong giai đoạn phát triển tiếp theo. Diện tích đất xây dựng mỗi trạm biến áp 110kV được dự kiến không vượt quá 1 ha/trạm. Sau khi trạm biến áp Đại Từ 2 hoàn thành và đưa vào vận hành, khu vực quy hoạch sẽ được cấp điện đồng thời từ hệ thống trạm biến áp hiện hữu và trạm biến áp mới, góp phần nâng cao độ tin cậy cung cấp điện, đáp ứng nhu cầu phụ tải ngày càng tăng và tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển đô thị, công nghiệp và dịch vụ trên địa bàn.

- Mạng lưới điện cao thế: giữ nguyên trên địa bàn xã có các đường dây 220kV và 110kV hiện trạng, đồng thời bổ sung các đường dây 110KV quy hoạch mới đi nổi trên các trụ điện cao thế và đảm bảo hành lang an toàn điện theo quy định (5m mỗi bên đối với đường dây 220kV và 4m mỗi bên đối với đường dây 110kV):

- + Đường dây 220kV 274 Tuyên Quang (E14.6)- 274 Phú Bình (E6.16): dây dẫn ACSR 2x300 đang vận hành mang tải 63%.

+ Đường dây 110kV 171E14.3-171E6.19 Sơn Dương - Đại Từ: dây dẫn AC 185 và AC 240, đường dây đang vận hành mang tải 23,3%.

+ Xây dựng mới đường dây 110kV mạch kép NR trạm biến áp Đại Từ 2, dây dẫn AC300, dài 2x10,5km.

- Mạng lưới điện trung thế: Giữ nguyên cấp điện vận hành cung cấp điện cho các phụ tải. Tiến hành cải tạo mạng lưới điện trung thế hiện có. Khuyến khích ngầm hóa hệ thống lưới điện tại các khu vực cần chú trọng cảnh quan.

- Mạng lưới hạ áp: Mạng lưới điện sinh hoạt của xã được nâng cấp, cải tạo từng bước. Mạng lưới hạ áp mới xây dựng sẽ được đi cáp nổi ABC, tiết diện đảm bảo: từ 4xABC-70 - 4xABC-120. Đi trên cột bê tông ly tâm, các đoạn trùng với tuyến trung thế có thể đi chung cột. Trên các cột hạ thế lắp đặt mới các hòm công tơ côm pit loại 4-6 công tơ tùy theo vị trí cụ thể. Dây sau công tơ nên chuẩn hoá loại 2x6 hoặc 2x10mm². Khuyến khích hạ ngầm lưới điện tại các khu vực trung tâm hoặc yêu cầu về cảnh quan.

- Điện chiếu sáng công cộng: Chiếu sáng công cộng tại các khu dân cư (trên các tuyến đường liên bản, ngõ xóm) và chiếu sáng giao thông tại khu vực trung tâm xã. Điện chiếu sáng công cộng sử dụng hệ thống cột đèn chiếu sáng 1 bên dọc theo các tuyến giao thông chính ở các khu vực tập trung dân cư. Khuyến khích sử dụng đèn chiếu sáng năng lượng tái tạo.

- Trạm biến áp: Quy hoạch nâng cấp công suất các trạm biến áp hiện có.

5. Hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động.

5.1. Chỉ tiêu thông tin liên lạc

Chỉ tiêu thông tin liên lạc:

- Thuê bao cố định: 25 thuê bao/100 người
- Thuê bao di động: 100 thuê bao/100 người
- Thuê bao Internet: 25 thuê bao/100 người

5.2. Hệ thống viễn thông

Hạ tầng viễn thông được định hướng phát triển theo hướng hiện đại, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và phát triển kinh tế – xã hội của địa phương, đồng thời làm cơ sở quản lý thống nhất việc đầu tư, xây dựng và sử dụng hạ tầng viễn thông trên địa bàn.

a) Xu hướng công nghệ

- Về xu hướng công nghệ: Phát triển mạng viễn thông theo hướng hạ tầng số băng rộng tốc độ cao, cụ thể:

- Mạng cố định: triển khai cáp quang đến hộ gia đình (FTTH), phủ 100%

khu dân cư.

- Mạng di động: duy trì và nâng cấp mạng 4G, từng bước triển khai 5G tại khu vực trung tâm xã và các điểm dân cư tập trung.

- Ứng dụng công nghệ số: IoT phục vụ quản lý hạ tầng, nông nghiệp thông minh, cảnh báo thiên tai.

b) Hạ tầng kỹ thuật viễn thông

- Nguồn cấp thông tin liên lạc lấy từ hệ thống thông tin quốc gia thông qua các bưu điện hiện có trên địa bàn xã.

- Bố trí tổng đài viễn thông tại trung tâm xã làm điểm kết nối chung của toàn xã. (Vị trí và diện tích tổng đài viễn thông sẽ được chi tiết trong quy hoạch chi tiết trung tâm xã). Nâng cấp các điểm bưu điện văn hóa xã hiện có thành các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông đa năng phục vụ thông tin liên lạc và dịch vụ số cho người dân.

- Khu vực trung tâm xã, các khu dân cư tập trung và các khu vực xây dựng mới: thực hiện ngầm hóa hệ thống cáp viễn thông. Các khu vực còn lại: từng bước ngầm hóa kết hợp sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật (cột điện, hào kỹ thuật). hực hiện chỉnh trang hệ thống cáp treo, bảo đảm mỹ quan và an toàn hạ tầng.

- Phát triển hạ tầng viễn thông thụ động theo hướng dùng chung, khuyến khích các doanh nghiệp viễn thông chia sẻ cột ăng-ten, nhà trạm và hạ tầng kỹ thuật liên quan nhằm hạn chế đầu tư chồng chéo, lãng phí tài nguyên đất đai.

- Kết hợp sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật công cộng (cột điện, hào kỹ thuật, tuynel kỹ thuật...) nhằm hạn chế đầu tư chồng chéo, tiết kiệm tài nguyên và nâng cao hiệu quả khai thác.

c) Trạm phát sóng và cột ăng-ten

- Tiến hành chuyển đổi các loại ăng ten A2 hiện có thành các cột ăng ten loại A1 (loại cột ăng ten không cồng kềnh). Đồng thời bổ sung 1 số trạm mới, ưu tiên đặt tại trung tâm xã, trung tâm các bản, khu vực trường học, y tế, chợ và dọc các tuyến đường giao thông. Hạn chế bố trí tại khu vực nhạy cảm về môi trường, cảnh quan, bảo đảm khoảng cách an toàn theo quy định trạm thu phát sóng này có quy mô từ 50-80m². Bán kính phục vụ khoảng 300-500m, đảm bảo phủ sóng toàn bộ khu vực dân cư, đặc biệt các khu vực lõm sóng. Việc xác định vị trí chính xác sẽ được thực hiện trong giai đoạn quy hoạch sau, bảo đảm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật và khoảng cách an toàn.

- Tại khu vực trung tâm xã và các khu vực có yêu cầu cao về cảnh quan, khuyến khích sử dụng trạm phát sóng ngụy trang (dạng cây hoặc tích hợp công

trình) nhằm bảo đảm hài hòa với không gian kiến trúc cảnh quan.

5.3. Hệ thống Bưu chính

- Tiến hành nâng cấp cải tạo các bưu điện hiện hữu để đáp ứng nhu cầu và phục vụ người dân. Bưu Chính: dưới 1.200 người/điểm bưu chính phục vụ. Bán kính phục vụ bình quân 0,8 km điểm phục vụ.

- Hoàn thành việc phát triển mạng lưới và phát triển rộng khắp các dịch vụ chuyển phát nhanh, chuyển tiền nhanh, dịch vụ tài chính như: dịch vụ trả lương qua tài khoản, trả lương hưu, dịch vụ thanh toán qua mạng, dịch vụ nhò thu, phát cho các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ (thu tiền điện, nước, bảo hiểm nhân thọ...); Hoàn thiện việc tin học hóa đến toàn bộ hệ thống mạng điểm phục vụ. Cung cấp dịch vụ tra cứu bưu phẩm, bưu kiện trên mạng.

6. Hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường

6.1. Hệ thống thoát nước thải

- Khu vực trung tâm xã: nước thải sẽ được thu gom bằng mạng lưới cống và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung xây mới.

- Đối với các khu vực còn lại: Nước thải từ các hộ gia đình trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung phải được xử lý qua bể tự hoại. Không được xả nước thải ra các ao hồ, kênh, rạch tự nhiên trừ trường hợp áp dụng công nghệ làm sạch nước thải bằng phương pháp sinh học trong điều kiện tự nhiên.

- Nước thải từ cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, khu chăn nuôi: phải được thu gom ra hệ thống tiêu thoát riêng và xử lý đạt yêu cầu về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Nước thải công nghiệp: Nước thải sẽ được thu gom về nhà máy/trạm để xử lý tập trung. Mỗi khu công nghiệp có thể xây dựng 1 hoặc 2 nhà máy/ trạm xử lý. Vị trí và công suất của nhà máy/trạm làm sạch sẽ được xác định trong quy hoạch và dự án riêng của các khu, cụm công nghiệp.

- Nước thải y tế: các trạm y tế hoặc các cơ sở y tế nhỏ cần có giải pháp xử lý làm sạch nước thải, đảm bảo điều kiện và quy định, được sự cho phép của các cơ quan có thẩm quyền mới được xả ra nguồn tiếp nhận.

6.2. Chất thải rắn

- Bố trí điểm tập kết, trạm trung chuyển phù hợp với điều kiện thu gom CTR của từng địa phương và đảm bảo bán kính phục vụ. Điểm tập kết, trạm trung chuyển CTR phải đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường. Khoảng cách an toàn môi trường của điểm tập kết phải ≥ 20 m.

- Khuyến khích và hướng dẫn nhân dân phân loại chất thải rắn ngay tại

nguồn. Chất thải rắn được thu gom và đưa về điểm tập trung tập kết chất thải rắn trên địa bàn từng thôn, xã; sau đó vận chuyển về khu xử lý.

- Trạm trung chuyển CTR không cố định phải đặt cách công trình nhà ở và các khu vực thường xuyên tập trung người $\geq 20\text{m}$. Ô chôn lấp CTR hợp vệ sinh có chôn lấp CTR hữu cơ phải đảm bảo khoảng cách ATMT $\geq 1000\text{m}$. Ô chôn lấp CTR vô cơ phải đảm bảo khoảng cách ATMT $\geq 100\text{m}$. Khoảng cách an toàn môi trường từ nguồn thải đến công trình gần nhất của khu dân cư phải tuân thủ theo QCVN 01:2025/BTNMT.

- Bố trí dải cây xanh cách ly quanh khu vực xây dựng cơ sở xử lý chất thải mới (chiều rộng tối thiểu là 10m) và khu xử lý chất thải tập trung quy hoạch mới (chiều rộng tối thiểu là 20m). Trường hợp cơ sở xử lý chất thải hoặc khu xử lý chất thải tập trung được đầu tư mới bắt buộc phải đặt ở đầu hướng gió chính của đô thị, khoảng cách an toàn về môi trường cơ sở phải tăng lên tối thiểu $1,5$ lần.

- Thu gom nước mưa, nước rỉ rác:

- + Nước mưa: Xây dựng hệ thống rãnh bê tông cốt thép bao quanh toàn bộ ranh giới khu đất xử lý CTR để đón nước mưa từ các sườn dốc chảy vào. Nước mưa từ mái nhà xưởng, đường nội bộ sạch được dẫn theo đường ống riêng đổ ra suối hoặc hệ thống thoát nước chung của khu vực. Tại các cửa xả nước mưa ra môi trường, cần có hố ga lắng cặn để giữ lại bùn đất, tránh bồi lắng hạ lưu.

- + Nước rỉ rác: sử dụng màng chống thấm HDPE (dày $\geq 1.5 - 2.0\text{mm}$) kết hợp với lớp sét đầm nén để ngăn nước rỉ rác ngấm xuống đất. Lắp đặt hệ thống ống nhựa HDPE đục lỗ đặt trong lớp sỏi kỹ thuật tại đáy các ô chôn lấp hoặc sàn tập kết rác để dẫn nước về bể tập trung.

6.3. Nghĩa trang

- Quy hoạch các nghĩa trang mới với quy mô diện tích các nghĩa trang tập trung mới đảm bảo chỉ tiêu $0,04\text{ ha}/1000\text{ dân}$. Các nghĩa trang đảm bảo vệ sinh môi trường và cách ly đến khu dân dụng tối thiểu 500m , và tối thiểu 2500m đến các trạm cấp nước.

- Quy hoạch một nghĩa trang tập trung nhân dân có diện tích $5,5\text{ ha}$ tại xóm Thanh Mỹ. Các nghĩa trang hiện trạng: giữ nguyên hiện trạng thực hiện trồng cây xanh ngăn cách để bảo vệ môi trường.

7. Hệ thống hạ tầng sản xuất

- Hạ tầng thủy lợi: hệ thống kênh mương của xã về quy hoạch đã tương đối phù hợp, không cần đào mương mới mà chỉ cần cải tạo nâng cấp cứng hóa. Các tuyến kênh tưới hiện tại là kênh tự chảy lấy nước từ đầu mối thủy lợi sẽ được nâng cấp thiết kế kiên cố hóa.

- Đường nội đồng: Đến năm 2045 hệ thống giao thông phục vụ sản xuất đảm

bảo mặt đường 2,5-3m, nền 3-5m, kết cấu BTXM, đảm bảo nhu cầu đi lại sản xuất của người dân.

VII. DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

1. Nhóm chương trình, dự án phát triển hạ tầng kỹ thuật – xã hội

- Dự án đầu tư xây dựng, hoàn thiện trung tâm hành chính xã Phú Thịnh, các công trình công cộng cấp xã (văn hóa, y tế, giáo dục, thể thao).
- Chương trình nâng cấp, hoàn thiện hệ thống giao thông trục xã, liên xã, đường liên xóm, giao thông nội đồng phục vụ sản xuất và du lịch.
- Dự án đầu tư hệ thống cấp nước sạch tập trung, cải tạo hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải khu dân cư.
- Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thủy lợi, hồ đập, kênh mương phục vụ sản xuất nông nghiệp và cây trồng giá trị cao.
- Phát triển hạ tầng thông tin – viễn thông và hạ tầng số phục vụ quản lý hành chính, sản xuất, kinh doanh và phát triển dịch vụ.

2. Nhóm chương trình, dự án phát triển kinh tế – sản xuất

- Phát triển nông nghiệp hàng hóa giá trị cao, ứng dụng công nghệ cao và hữu cơ, đặc biệt phát triển sản phẩm OCOP.
- Phát triển du lịch sinh thái gắn với cảnh quan thiên nhiên địa phương.
- Phát triển các hoạt động thương mại, dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống dân cư; mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm địa phương, nâng cao thu nhập cho người dân.

3. Nhóm chương trình, dự án phát triển du lịch – dịch vụ

- Khai thác cảnh quan để phát triển du lịch sinh thái, trải nghiệm.
- Đầu tư hạ tầng và cơ sở dịch vụ quy mô phù hợp.
- Phát triển các dịch vụ thương mại, ăn uống, mua sắm phục vụ cụm công nghiệp và nhu cầu dân cư địa phương.

4. Nhóm chương trình chuyển đổi số, tăng trưởng xanh

- Ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý hành chính, cung cấp dịch vụ công và điều hành phát triển kinh tế – xã hội của xã.
- Ứng dụng công nghệ số trong sản xuất nông nghiệp, truy xuất nguồn gốc, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm nông sản địa phương.
- Phát triển du lịch thông minh, quảng bá điểm đến, sản phẩm du lịch qua nền tảng số.
- Khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng và vật liệu thân thiện môi trường trong sản xuất và sinh hoạt.
- Bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn gắn với bảo tồn hệ sinh thái và cảnh quan tự nhiên.

VIII. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Giải pháp thực hiện quy hoạch

1.1. Giải pháp quản lý quy hoạch

- Công bố, công khai quy hoạch; tổ chức quản lý chặt chẽ không gian xây dựng, sử dụng đất theo đồ án được duyệt.
- Kiểm soát nghiêm việc xây dựng dọc đường quốc lộ 37, tỉnh lộ 264, đường liên kết vùng, các tuyến đường liên xã, suối và các khu vực có nguy cơ thiên tai; bảo đảm tuân thủ hành lang bảo vệ công trình giao thông, nguồn nước.
- Tăng cường ứng dụng công nghệ số, GIS trong quản lý đất đai, hạ tầng, dân cư và giám sát thực hiện quy hoạch.

1.2. Giải pháp đầu tư

- Ưu tiên bố trí nguồn lực cho các dự án hạ tầng khung, hạ tầng du lịch, vùng sản xuất chè, cây ăn quả, dâu tằm trọng điểm.
- Đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư: ngân sách nhà nước, vốn xã hội hóa, hợp tác công – tư (PPP), thu hút doanh nghiệp, hợp tác xã.
- Lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia (nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, chuyển đổi số, tăng trưởng xanh).

1.3. Giải pháp về cơ chế, chính sách

- UBND tỉnh ban hành chính sách khuyến khích đầu tư vào các dự án sản xuất nông nghiệp, phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn xã.
- Hỗ trợ người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp trong tiếp cận đất đai, vốn, khoa học – công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực.
- Chính sách bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa, gắn với phát triển sinh kế bền vững cho cộng đồng dân cư.

2. Đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường

1.1 Thiết lập các khu vực bảo vệ, phục hồi môi trường do tác động của hoạt động đầu tư xây dựng công trình

a) Khu vực bảo vệ nghiêm ngặt

- Khoanh vùng và bảo vệ rừng sản xuất, hành lang bảo vệ suối, ... và các phụ lưu; không cho phép xây dựng công trình kiên cố ngoài chức năng phục vụ quản lý, bảo vệ rừng.
- Thiết lập hành lang bảo vệ môi trường đối với các khu khai thác khoáng sản, đảm bảo khoảng cách ly an toàn với khu dân cư.
- Bảo vệ các điểm có giá trị cảnh quan cao; hạn chế san gạt địa hình, chặt phá thảm thực vật tự nhiên.

b) Khu vực phục hồi môi trường

- Đối với các khu vực khai thác khoáng sản: yêu cầu thực hiện hoàn nguyên môi trường theo từng giai đoạn; cải tạo địa hình, phủ xanh bằng cây bản địa sau khai thác.

- Phục hồi đất trống, đồi núi trọc bằng trồng rừng sản xuất.

- Khuyến khích hình thành vành đai cây xanh cách ly tại khu khai thác khoáng sản và dọc trục giao thông lớn.

1.2. Yêu cầu về quản lý chất thải rắn, kiểm soát ô nhiễm trong quá trình đầu tư xây dựng theo quy hoạch

a) Quản lý chất thải rắn sinh hoạt

- Tổ chức thu gom rác thải sinh hoạt tập trung tại các bản; bố trí điểm tập kết rác hợp vệ sinh, không ảnh hưởng nguồn nước.

- Chất thải xây dựng phải được thu gom, vận chuyển đến khu xử lý theo quy định; nghiêm cấm đổ thải xuống suối, khe núi hoặc ven đường giao thông.

- Khuyến khích phân loại rác tại nguồn (1) Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế; (2) Chất thải thực phẩm; (3) Chất thải rắn sinh hoạt khác); phát triển mô hình xử lý rác hữu cơ tại chỗ (ủ compost) tại các thôn, xóm.

- Tại các khu vực sản xuất nông nghiệp, thực hiện bố trí xây bể chứa bao bì, chai lọ đựng thuốc bảo vệ thực vật. Bể chứa có dung tích từ 2-4m³, mỗi bể chứa bố trí xây dựng cách nhau 200m để thuận lợi cho công tác thu gom xử lý.

- Đơn vị dịch vụ môi trường thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải theo quy định, bảo đảm yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường. Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm thực hiện phân loại, lưu giữ và chuyển giao chất thải theo đúng quy định.

b) Kiểm soát ô nhiễm trong đầu tư xây dựng

- Các dự án đầu tư phải thực hiện đánh giá tác động môi trường hoặc thủ tục môi trường liên quan theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đồng thời áp dụng các biện pháp giảm thiểu, kiểm soát bụi, tiếng ồn, nước thải và chất thải phát sinh trong quá trình thi công.

- Các công trình khai thác và chế biến khoáng sản phải xây dựng, vận hành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường để quản lý, thu gom, xử lý chất thải phát sinh theo quy định.

- Trong quá trình thi công các công trình hạ tầng giao thông và khu dân cư mới phải thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường như: che chắn khu vực thi công, phun nước giảm bụi, thu gom chất thải xây dựng, không vận chuyển vật liệu quá tải gây ô nhiễm môi trường và hư hỏng kết cấu hạ tầng giao thông.

- Bảo đảm hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thu gom, thoát nước thải được thiết kế tách riêng tại khu trung tâm xã và các khu dân cư mới theo quy định.

1.3. Giải pháp bảo đảm an toàn trước thiên tai (ngập lụt, lũ quét, sạt lở), bảo vệ tài nguyên đất, nước, không khí, hệ sinh thái rừng và cảnh quan tự nhiên.

a) Phòng chống ngập lụt, lũ quét

Khoanh vùng các khu vực ven suối, vùng trũng có nguy cơ ngập lụt; không bố trí dân cư mới trong hành lang thoát lũ.

Giữ nguyên hệ thống thoát nước tự nhiên; hạn chế bê tông hóa toàn bộ bề mặt, tăng diện tích thấm nước.

Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước dọc các tuyến đường mới; bố trí hồ điều hòa nhỏ tại khu trung tâm xã.

b) Phòng chống sạt lở đất

- Không quy hoạch khu dân cư trên các khu vực địa hình dốc lớn, khu vực có nền địa chất yếu.

- Kiểm soát hoạt động san gạt mặt bằng; yêu cầu thiết kế taluy, tường chắn, thoát nước mái dốc đúng kỹ thuật.

- Trồng cây phủ xanh taluy đường giao thông và khu vực khai thác sau hoàn nguyên.

c) Bảo vệ tài nguyên đất

- Quản lý chặt chẽ chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp; hạn chế chia nhỏ manh mún đất sản xuất.

- Sau khai thác khoáng sản phải cải tạo, phục hồi khả năng sử dụng đất.

d) Bảo vệ tài nguyên nước

- Thiết lập hành lang bảo vệ suối, cấm xả thải trực tiếp chưa qua xử lý.

- Kiểm soát hoạt động nuôi cá nước lạnh, đảm bảo không gây ô nhiễm nguồn nước tự nhiên.

- Tăng cường trồng rừng bảo vệ nguồn sinh thủy, duy trì lưu lượng nước ổn định.

e) Bảo vệ môi trường không khí

- Kiểm soát bụi từ khai thác khoáng sản và vận chuyển vật liệu; lắp đặt hệ thống phun sương, che chắn khu vực nghiền sàng.

- Khuyến khích sử dụng năng lượng sạch, tiết kiệm năng lượng tại khu trung tâm và các cơ sở sản xuất.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Đồ án Quy hoạch chung xã Phú Thịnh, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045 được lập trên cơ sở bám sát các chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, các quy hoạch cấp trên đã được phê duyệt và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Đồ án đã đánh giá tương đối đầy đủ hiện trạng tự nhiên, dân cư, sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và các tiềm năng, lợi thế phát triển của xã trong giai đoạn mới.

Phú Thịnh là xã có thế mạnh về phát triển công nghiệp, khai thác khoáng sản. Vì vậy, định hướng quy hoạch tập trung phát triển không gian theo hướng ổn định, bền vững, từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; tổ chức hợp lý các khu dân cư, trung tâm xã, vùng sản xuất nông nghiệp, khai thác khoáng sản, phát triển cụm công nghiệp, bảo vệ nguồn nước và giữ gìn cảnh quan sinh thái tự nhiên.

Đồ án cũng định hướng phát huy vai trò trung tâm xã Phú Thịnh là hạt nhân tổng hợp về hành chính, thương mại, dịch vụ công cộng; tăng cường liên kết giữa trung tâm xã với các khu dân cư, vùng sản xuất và các khu vực phát triển kinh tế thông qua hệ thống giao thông đối ngoại và giao thông nội vùng. Đồng thời, từng bước khai thác tiềm năng phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch gắn với bản sắc văn hóa và cảnh quan tự nhiên của địa phương.

Đồ án là cơ sở quan trọng để quản lý không gian, quản lý xây dựng, lập kế hoạch đầu tư, thu hút nguồn lực phát triển, triển khai các chương trình, dự án trên địa bàn; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh, bảo tồn bản sắc văn hóa và nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của địa phương.

2. Kiến nghị

Đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, thẩm định và phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xã An Khánh, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045 để làm cơ sở triển khai quản lý và thực hiện theo quy hoạch.

Sau khi đồ án được phê duyệt, cần tổ chức công bố công khai quy hoạch theo quy định; đồng thời tăng cường tuyên truyền để người dân, tổ chức và các nhà đầu tư nắm bắt định hướng phát triển không gian của địa phương.

Ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư các công trình hạ tầng khung, hạ tầng thiết yếu như giao thông, cấp điện, cấp nước, thủy lợi, trường học, y tế, hạ tầng thương mại - dịch vụ và hạ tầng phục vụ sản xuất nhằm tạo động lực phát triển cho xã.

Tăng cường công tác quản lý đất đai, quản lý trật tự xây dựng theo quy hoạch được duyệt; kiểm soát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng đất, khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường sinh thái.

Đề nghị các sở, ngành chuyên môn của tỉnh tiếp tục quan tâm hỗ trợ địa phương trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch; hướng dẫn, cập nhật các cơ chế, chính sách mới và hỗ trợ huy động các nguồn lực đầu tư phát triển.

Trong quá trình thực hiện, căn cứ tình hình phát triển thực tế và yêu cầu quản lý, địa phương cần thường xuyên rà soát, cập nhật và điều chỉnh các nội dung quy hoạch cho phù hợp, bảo đảm tính đồng bộ, khả thi và hiệu quả lâu dài.

